

**ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT
HOA NGHIÊM KINH TÙY SỐ DIỄN
NGHĨA SAO
QUYỂN 58**

- Số từ câu: “Văn của mười câu” tiếp xuống: Là giải thích văn.
“Chẳng giải thích câu tổng quát” là có hai ý:

Một: Do phần riêng tiếp sau đã tạo thành nghĩa chung.

Hai: Trong phần sinh khởi ở trước đã hiển bày ý. Nghĩa là Tâm Bồ đề dựa nơi Đại bi làm căn bản. Tức cũng nơi Luận Du Già, trong phần nói về bốn Nhân, là nhân của Đại bi.

- Số câu: “Một là cái lớn tăng trưởng”: Là nói về chín thứ Lớn. Văn nơi bản Số giải gồm tám phần:

Một: Nêu tên gọi. Tức nơi kinh nói Trí tuệ, Trí tăng thượng dẫn dắt Bi, do đấy biện giải trước.

Hai: Từ câu: “Xét kỹ về Hành khổ” tiếp xuống: Là Luận giải thích tên gọi. Trí vi tế hiện tiền nên gọi là sinh.

Ba: Từ câu: “Nghĩa là nếu thấu tỏ” tiếp xuống: Là Số giải thích Luận theo hướng ngược.

Bốn: Từ câu: “Luận lại nói” tiếp xuống: Là giải thích về Trí Tuệ. Giải thích riêng hai chữ, đều gồm trước là nêu dẫn Luận; Từ câu: “Đây là căn cứ nơi” tiếp xuống: Là phần giải thích của Số.

Năm: Từ câu: “Lại là một môn” tiếp xuống: Là cùng tóm kết về Trí Tuệ. Do tên gọi của Trí Tuệ có chung có riêng. Chung thì phân biệt gọi là Tuệ, quyết đoán gọi là Trí. Nghĩa này tuy riêng mà chung cho cả Sự, Lý. Riêng thì có hai nghĩa:

Thứ nhất: Thấu tỏ về Sự gọi là Trí, như Độ (Ba-la-mật) thứ mười. Thấu tỏ về Lý gọi là Tuệ, như Độ thứ sáu.

Thứ hai: Như văn nơi kinh hiện nay.

Sáu: Từ câu: “Nói là Tự Tướng” tiếp xuống: Là nhắc lại Luận để giải thích.

Bảy: Từ câu: “Nhớ nghĩ đến chúng sinh” tiếp xuống: Là nêu ra ý của kinh, luận. Tức chẳng rõ về ba cõi đều là khổ và tánh tướng của

sự khổ ấy.

Tám: Từ câu: “Chỗ nghịch thuận ấy” tiếp xuống: Là chỉ ra chỗ khó.

Nơi phần tiếp sau, “Hai thiện xảo v.v...” thì v.v... là chỉ cho chỗ thâm tóm của phương tiện. “Bốn Nhiếp pháp” là giải thích đối tượng được thâm tóm. “Khúc xảo” là giải thích “Thiện xảo”. “Tùy nghi” là giải thích “Phương tiện”. Tức khéo dùng bốn Nhiếp pháp tùy theo chỗ thích ứng của sự việc mà hành hóa.

- Số từ câu: “Ba là tối thượng cho đến” tiếp xuống: Tức chọn lấy Thâm Tâm là đối tượng được duy trì.

Từ câu: “Nghĩa là hướng tới việc phát khởi” tiếp xuống: Là Luận tự giải thích. Nhưng Luận giải thích kinh, viết: “Trực tâm, Thâm tâm là thuần chí. Ý của Luận cho chữ Trực, Thâm là riêng, “Thuần chí” là chung. Cho nên nêu làm tên gọi. Tức “Thâm” thì sự hành hóa của Bi là sâu xa, quan trọng. “Trực” thì luôn chánh niệm về Chân như. Bi, Trí cùng hỗ trợ thì mới có thể hành hóa tận cùng cảnh giới chúng sinh, nên gọi là “Thuần chí”. Thuần chí tức là Tối thượng. Tuy nhiên, chữ Thâm tâm trong kinh có hai nghĩa:

Một: Do ưa thích tu tập các hạnh thiện là Thâm. Thâm tức là nghĩa “Nặng”.

Hai: Khế hợp với Lý là Thâm. Thâm tức là Trực Tâm.

Phần đầu của địa thứ hai có nói đến mười Thâm tâm. Luận giải thích kinh gọi là Trực, tức biết Thâm tâm đã thâm tóm Trực tâm.

- Số từ câu: “Bốn là cái lớn Vô lượng” tiếp xuống: Từ đây trở xuống, “Bốn đại” đều nêu rõ sự tăng tiến, thù thắng. Ở đây có nghĩa là tuy thâm tóm Trí Phật mà cũng là lợi sinh.

- Số câu: “Năm là khéo quan sát v.v...”: Thì chữ v.v... là chỉ cho phần kinh tiếp sau. Văn đầy đủ là: “Khéo quan sát, phân biệt, với diệu lực dũng mãnh, Trí lực, Trí vô ngại hiện tiền”. Luận giải thích kinh viết: “Khéo quyết định về diệu lực của chúng sinh, Trí lực”. Luận nêu: “Năm là cái lớn của quyết định, là sự quyết định thượng diệu, tin tưởng nơi Trí sâu xa với sự đối trị thù thắng”. Nay số chia phần kinh ấy thành ba Quyết định. Lại dùng Trí Vô ngại bao quát cả ba thứ trên, tức là khai triển, giảng diễn từ kinh, Luận.

Trong phần nói về cái lớn thứ sáu (cái lớn của sự tùy thuận), chỉ nêu tên gọi mà không giải thích. Luận giải thích viết: Tùy thuận nơi Bồ đề, chánh giác, tức là Trí tự nhiên của Phật. Chỗ Số giải ở trước đã nhiều lần nói đến nên ở đây lược bớt, không giải thích.

Nơi phần nói về cái lớn thứ bảy thì trước nêu dẫn Luận, sau, từ câu: “Cái lớn bao gồm” tiếp xuống: Là Số giải thích căn cứ theo kinh: “Thứ tư là có Tướng gì?”.

- Số câu: “Do đạt được Thánh đạo xuất thế gian”: Thánh đạo là thể chính của phước, lợi, nên Luận gộp làm chung. Phần riêng có tám thứ “Vượt hơn”. Văn nơi bản Số giải gồm ba phần:

Một: Dựa nơi chung để chia ra các phần riêng.

Hai: Từ câu: “Sự vượt hơn của hội nhập quả vị” tiếp xuống: Là tùy theo phần riêng để giải thích.

Ba: Là tổng kết về chỗ “Chẳng tương tự”.

Trong phần hai, bảy thứ “Vượt hơn” trước là phần của chính mình.

Một thứ sau là sự thắng tiến thù thắng.

Trong phần một gồm hai chi tiết:

Thứ nhất: Nêu dẫn Luận.

Thứ hai: Từ câu: “Luận Du Già” tiếp xuống: Là dẫn chứng. “Chánh tánh ly sanh” là nghĩa “Xuất thế gian”.

Từ câu: “Nghĩa là như người thế gian” tiếp xuống: Trên tức là văn của Luận. Từ đây trở xuống là phần giải thích của Số. Đối tượng được chứng đắc tức là Chân như. Nhiếp Luận viết: “Chân như là Nhà, khế hợp là sinh”. Trước là căn cứ nơi “Hội nhập quả vị”, còn đây là căn cứ chỗ “Hội nhập sự chứng đắc”. Phần tiếp sau dẫn Lương Nhiếp Luận để nêu rõ “Sinh và nhà” cũng đều thù thắng.

- Số câu: “Pháp tương tự của vương tử là sinh khởi hành Đại thừa”. Trên là văn của Luận.

Từ câu: “Nghĩa là hành lớn” tiếp xuống: Là phần Số giải thích về Hành lớn tức là Hành của Trạo đạo.

- Số câu: “Sự vượt hơn của đạo”: Kinh có hai câu: Một câu trước là phân biệt chỗ khác với hàng “Trước địa”. Câu sau nêu rõ là hàng “Trên địa”. Về dụ để phân biệt thì có thể nhận biết.

Nêu dẫn Nhiếp Luận: Sát sinh v.v... là đạo của thế gian. Đạo tức là Nhân. Luận viết: “Bốn là sự vượt hơn của đạo. Chẳng thuộc về đạo của thế gian, mà thuộc về đạo của xuất thế gian. “Pháp tương tự của đạo phạm phu” tức “Chẳng thuộc về thế gian” là câu đầu, “Thuộc về xuất thế gian” là câu sau. “Pháp tương tự của đạo phạm phu” là dụ. Nghĩa là đạo của con người khác với đạo của ba cõi ác. Trong phần Số giải, về dụ, văn nghĩa đã rõ ràng.

Câu: “Năm là sự vượt hơn nơi Thể của pháp”: Từ phần đầu cho

đến chữ “Tự sự” đều là văn của Luận. Phần sau của Luận viết: “Pháp tương tự nơi Thể của tự thân”.

Từ câu: “Nếu không có Đại bi” tiếp xuống: Là Sở giải thích ý của Luận nghĩa đã hiển bày rõ ràng.

Luận viết: “Sáu là sự vượt hơn của nơi chốn”. Chẳng bỏ phương tiện của thế gian, chẳng nhiễm đắm, trụ chấp nơi “Thiện xảo”. “Pháp tương tự của nơi chốn” thì lãnh hội phần Sở giải, có thể nhận biết.

“Bảy là chỗ vượt hơn của nghiệp”, Luận viết: Thuận nơi Thánh trí như hư không là pháp tương tự của sinh mạng”.

“Tám là sự vượt hơn của tất định”: Tâm lớn kiên cố gọi là tất định (nhất định hoàn thành). Luận viết: “Chúng tử Phật chẳng bị đoạn diệt, đạt đến đạo Niết-bàn cứu cánh”. “Pháp tương tự của sự thành tựu” thì lãnh hội phần Sở giải theo văn kinh, đều có thể nhận biết.

- Sở từ câu: “Luận viết: Thị hiện như thế” tiếp xuống: Là phần thứ ba tổng kết về chỗ “Chẳng tương tự, để hiển bày, xác nhận nghĩa “Vượt hơn”. Gồm hai:

Một là: Nêu dẫn Luận.

Hai là: Từ câu: “Hiển bày cùng hàng trước địa” tiếp xuống: Là Sở giải thích.

Nhưng Luận từ đây trở xuống lại viết: “Thứ lớp như thế. Nhà chẳng tương tự. Chúng tánh chẳng tương tự. Đạo chẳng tương tự. Thể chẳng tương tự. Nơi chốn chẳng tương tự. Tọa nghiệp chẳng tương tự. Thành tựu chẳng tương tự. Nêu bày như vậy. Trụ trong địa ấy, đó gọi là Trụ”. Như phần tiếp theo của kinh viết: “Bồ tát an trụ nơi pháp như thế, gọi là Trụ nơi địa Hoan hỉ của Bồ tát, do tương ứng với Chân như bất động”.

Giải thích: Thứ lớp nơi phân tóm kết riêng của Luận ở đây đều có từ “Chẳng tương tự”, tức biết mười câu chẳng tương tự với hàng “Trước địa”.

Từ câu: “Nêu bày như thế” tiếp xuống: Là giải thích nơi văn tóm kết.

Thứ nhất là Hoan Hỷ Địa:

Trong phần giải thích danh hỏi: vì sao nhiều hoan hỉ được đặt tên hoan hỉ, là với hoan hỉ gì (thân hay tâm?). Trong trả lời nói đủ hai. Lại vì sao Niệm (Nhân hỉ), ban đầu nói mười câu (tướng hỉ), sau nói hai mươi câu (Nhân hỉ). Giải thích: Bên trên luận sở trích ra không nêu đủ. E người tìm đọc luận ngạc nhiên không thấy văn, nên nay nêu đủ.

- Sở câu: “Gồm có ba Hỉ”: Luận chủ chỉ nói: “Hoan hỉ, đó là tên

gọi cho tâm hỷ, Thể hỷ, căn hỷ. Sở liền triển khai giải thích, nhưng nêu thẳng phần dưới là làm rõ tên gọi, căn cứ vào Thể tánh, tức là chín nghĩa về hoan hỷ nơi phần sau còn đây chính là Luận chủ đã thu tóm phần riêng nhập vào phần chung. Nghĩa là, trong chín nghĩa thì sáu nghĩa trước là Thể của “Hỉ hành tự lợi”. ba nghĩa sau là hóa độ người khác, hiển bày công năng của Hỉ.

- Nơi sáu nghĩa trước thì nghĩa một, hai là Kính và Ái, là Tâm của Hỉ hành chẳng phải là Thể chính của Hỉ. Nay được thu tóm nhập vào phần chung gọi là Tâm Hỉ

Ba nghĩa tiếp theo chính là Thể của Tâm hỉ, được thu tóm nhập nơi phần chung gọi là Thể hỉ.

Một nghĩa sau nêu rõ công năng của Hỉ hành, nghĩa của xuất sanh gọi là căn, được thu tóm nhập vào phần chung, gọi là Căn hỉ.

Gồm đủ ba Hỉ này nên gọi là “Nhiều hỉ”.

Nay tuy giải thích trực tiếp, nhưng đến đoạn sau, trong phần giải thích riêng chỉ tóm kết quy về ba nghĩa này.

- Nói “Ba là căn hỉ, do Thể hỷ Tâm hỷ ở trước đã có hoan hỉ với sự sung mãn bên trong”: Tâm tức là loại thứ nhất. Thể là loại thứ hai. Hai thứ Hỉ này đều là bên trong. Nhưng năm thọ nêu rõ nghĩa ở tại năm Căn là Lạc, tại cõi ý là Hỉ.

Tâm Hỉ của bậc Nhị Thiên cũng gọi là Lạc. Thân Lạc của địa này cũng gọi là Hỉ theo nghĩa chung. Chữ “Kinh an” tức là “Khéo đếm hơi thở” cũng gọi là “Khinh an lạc”. Còn chữ “Điều hợp, thông suốt” tức là thọ nhận lạc. Vì thế đã tóm kết: “Nên Hỉ ấy cũng gọi là Lạc”.

- Sở từ câu: “Lại nữa, bên trong cùng với Quán Tâm” tiếp xuống:

Là lãnh hội lần nữa về ba nghĩa trước để phân biệt chỗ khác với hàng phàm phu và Tiểu thừa. Quán Tâm là phần thuộc về bên trong thứ nhất, chung cho hai nghĩa về Hỉ ở trước (Tâm Hỉ, Thể Hỉ). Tức là cùng chứng đắc hai Không, lìa tướng ưu, hỷ, gọi là “Vô hỉ”. Khế hợp một cách sâu xa với tịch tĩnh, chỉ có chứng đắc mới có thể nhận biết, nên gọi là Hỉ. Tướng Hỉ của bậc Nhị Thiên đến ba địa sẽ nhận biết.

- Sở câu: “Một là kính Hỉ”: Tức trong chín hỉ riêng, đã như chỗ nhận định trong phần chung. Phần tiếp sau với bản Sở giải đã nhận đầy mà tóm kết.

Nay nói về phần thứ nhất. Tôn kính Tam Bảo gọi là kính Hỉ. Do chứng đắc cùng Thể, sự tin tưởng chẳng thể hủy hoại, tâm cung kính chuyển biến, tăng trưởng. Nhưng gồm đủ chín nghĩa sau nên gọi là

Nhiều. Câu hiện tại gọi là “Nhiều” lại có nghĩa thế nào? Tôn kính khắp về Tam bảo tức là nghĩa “Nhiều”. Phần còn lại có thể theo chỗ giống nhu mà chọn lấy.

- Số từ câu: “Hai loại trên - Kính Hỉ, Ái Hỉ - tức là Hỉ hành” tiếp xuống: Là tóm kết, xác nhận về Tâm Hỉ trong phần chung.

Câu: “Ba nghĩa tiếp theo tức là tướng Thể của Hỉ”: Tức là Thể Hỉ trong phần chung.

- Số câu: “Trước là Biết, sau là vui, nghĩa hoàn toàn đúng thứ lớp”: Là Luận giải thích kinh gồm ba:

Một: Nói về Khánh Hỉ (Hỉ thứ tư): Chính là Tâm tự biết trội hơn hàng trước địa.

Hai: Nói về Điều Nhu Hỉ (Hỉ thứ ba). Là các thứ thô dữ, do đó thân tâm thấy đều vui thích.

Ba: Là Dũng dực Hỉ: Tăng thêm khắp, vượt hơn trước, nên gọi là “dũng dực”.

- Số câu: “Công năng của một Hỉ này”: Tức là nẻo hành hóa của Hỉ thành tựu, có thể thấu tóm đạo quả Bồ đề, nên gọi là công năng. Hỉ ở đây cùng với Niệm đang đạt được Hỉ có chỗ dị biệt ra sao? Đáp: Niệm về chỗ nghịch hiện có, niệm về quả hiện có, niệm ấy là khả năng nơi chính mình của niệm, nên chẳng đồng.

- Số câu: “Ba thứ sau là hóa độ người khác”: Tức thân khẩu ý lia mọi chướng ngại của ba nghiệp. Cho nên phần sau của Luận viết: “Tranh chấp ở trong ngôn từ. Nghĩa của Luận chung cho cả tự, tha. Ở đây, cũng như chỗ giải thích chỉ căn cứ nơi tự hành. Lại nữa, ba câu ấy thì câu đầu là “Tự, tha” không quấy nhiễu nhau. Câu tiếp theo là chẳng gây phiền nhiễu cho “tha”. Câu sau là không bị “tha” gây nhiễu hại.

- Số từ câu: “Nay nói về phần một. Từ phần chung của câu đầu” tiếp xuống: Văn nơi bản Số giải có ba môn:

Một: Phân biệt về chung, riêng.

Hai: Từ câu: “Nếu hiển bày riêng về nghĩa Tướng” tiếp xuống: Là phân biệt về nghĩa loại.

Ba: Từ câu: “Lại nữa, mười câu trên, một là Phật” tiếp xuống: Là phân biệt về Tam bảo.

Trong phần hai gồm Nhân, Quả, Người, Pháp tức có bốn môn. Số lại phân làm hai:

Thứ nhất: Nêu Quả.

Thứ hai: Nêu Nhân.

- Số câu: “Trong ấy lại có chung, riêng: Tức phần chung của trong

đó đối chiếu với phần trước là riêng, đối chiếu với phần sau là chung. Tức vừa chung vừa riêng.

- Số câu: “Sáu câu trong phần riêng thứ lớp hiển bày về Hạnh Bồ tát ở trước”: Tức dùng sáu câu là chủ thể hiển bày. Hạnh Bồ tát là đối tượng được hiển bày. Lấy riêng để hiển bày chung tức là nghĩa “Hiển thị”. Ở trong sáu câu tự có chủ thể, đối tượng: Một Hạnh thứ nhất, Thể là đối tượng được hiển bày. Năm câu còn lại là chủ thể hiển bày. Cũng là biện minh riêng về Tướng của sự hiển bày. Đây tức là giáo nghĩa của Lý được hiển bày. Về chữ “Thứ lớp” kia thì cả hai cùng hưởng tới dụng:

Thứ nhất: Là Phật, tiếp theo là Pháp, sau là Bồ tát . Nay là Hạnh Bồ tát nên làm thứ lớp.

Thứ hai: Nơi sáu câu sau thì câu đầu là Thể, phần sau là hiển bày thứ lớp của sáu câu.

- Số câu: “Phần còn lại là ba lợi tha, đều là Hành của địa Pháp Vân”: Nên Luận giải thích về Bồ tát địa xong, liền nói: “Trong đó, phần còn lại, là căn cứ nơi pháp giáo hóa”, tức hiển bày ba lợi tha còn lại, là sự việc tận cùng của Bồ tát địa.

- Số từ câu: “Cũng có thể cho ba thứ sau là” tiếp xuống:

Nhưng Luận viết: “Trong đó, phần còn lại”, vì thế phần Số giải đã phối hợp ở trong “Bồ tát địa tận” mà không hiển bày qua văn, nên gồm luôn việc hiển bày chung cho ý của các địa.

- Số câu: “Chuyển lia tất cả sự việc chấp giữ của hàng phàm phu”: Đây tức là văn của Luận. Trên tức nêu về kinh. Dưới tức là phần giải thích của số. Nơi phần giải thích riêng của số gồm ba:

Một: Thông tỏ ý của văn nêu ra.

Hai: Từ câu: “Trong chín câu” tiếp xuống: Là theo văn để giải thích riêng.

Ba: Từ câu: “Nhưng chín câu ấy” tiếp xuống: Là tóm kết, xác định.

- Số câu: “Chín câu chung riêng, văn tuy chẳng theo thứ lớp”:

- Câu một tức phần thứ hai (của sự vượt hơn): sinh vào nhà Như Lai, tức sự vượt hơn của nơi sinh

- Câu hai, tức là câu chung, siêu vượt hàng phàm phu.

- Câu ba, tức là phần thứ nhất (trong tám thứ vượt hơn) là “Nhập nơi quả vị Bồ tát”, là sự vượt hơn của nhập quả vị.

- Câu bốn: Tức là phần thứ bốn “Lìa thế gian hưởng tới sự chứng đạt”, là sự vượt hơn của đạo.

- Câu năm: Tức là phần thứ năm, “Đạt được pháp của Bồ tát”, là sự vượt hơn của Pháp Thế.

- Câu sáu: Tức là phần thứ ba, “Không thể nói về lỗi lầm của chúng tánh”, là sự vượt hơn của chúng tánh.

- Câu bảy: Tức là phần thứ sáu, “Trụ nơi trụ xứ của Bồ tát”, là sự vượt hơn của nơi chốn.

- Câu tám: Tức là phần thứ bảy, “Hội nhập vào sự bình đẳng của ba đời”, là sự vượt hơn của Nghiệp.

- Câu chín: Tức là phần thứ tám, “Ở trong chúng tánh của Như Lai quyết định sẽ đạt được đạo của Bồ đề Vô thượng”, là sự vượt hơn của tất định.

Tám phần còn lại (trong chín thứ chuyển lìa) hoàn toàn giống, chỉ có loại thứ chín là Tướng nơi “Chuyển lìa của xả”, vẫn có chỗ bất đồng nhỏ, nên sơ đã kết hợp giải thích. Văn của bản Số giải gồm ba chi tiết:

Một: Chính thức giải thích “Chuyển lìa của xả”.

Hai: Từ câu: “Tức phần thứ tám ở trước” tiếp xuống: Là kết hợp để thông tỏ phần văn ở trước. Cho đoạn trừ này trước là nói về Hành nên cần giải thích để lãnh hội. Nghĩa là trước nêu rõ, chí khí được xác lập là quyết định thành tựu đạo quả Bồ đề, “Ở trong chúng tánh của Như Lai” tức là nghĩa Hành. Hành, đoạn tuy khác, nhưng chỗ quyết định thành tựu đạo quả Bồ đề về nghĩa thì đồng.

Ba: Từ câu: “Nói sợ hãi” tiếp xuống: Là phần giải thích văn. Gồm hai:

Thứ nhất: Nêu dẫn Luận.

Thứ hai: Từ câu: “Chẳng Ái là sự việc đối tượng được sợ” tiếp xuống: Là phần giải thích của sơ.

- Sơ câu: “Nay nói về phần thứ nhất. Ý nêu ra nói: Vì sao trong đây nói về lìa sợ hãi”: Tức là đạt được địa thứ nhất thì xa lìa hết thấy mọi phiền não, nghiệp khổ, do đâu chỉ nói riêng là lìa sợ hãi?

Phần hai là đáp, ý của chỗ Số giải có hai:

Thứ nhất: Do thứ sợ hãi đã gây chướng ngại riêng cho địa thứ nhất. Địa thứ nhất đoạn trừ sạch chúng, vì thế nên được nói riêng, các chướng còn lại thì tạo chướng ngại chung cho các địa, địa thứ nhất chẳng dứt hết, do đấy mà không nêu. Như trong mười Sử, thì năm Kiến cùng với Nghi được dứt sạch nơi Kiến vị, nên nói riêng về đoạn. Còn Tham, Sân, Si, Mạn thì gây chướng ngại chung cho Kiến, Tu, trong ấy tức Kiến đạo, Tu đạo chẳng dứt sạch hết.

Thứ hai: Do sợ hãi là chướng ngại của Hỷ nên được nói riêng. Vì

thế, ở trong phần “Giải thích tên gọi” đã nêu ra.

- Số câu: “Nên Luận nối tiếp phần trên viết: Xa lìa Nhân ấy”: Do đoạn kinh ấy là chỗ sinh khởi phần trước của Luận, nên viết là “Nối tiếp phần trên”. Văn của Luận đầy đủ là: “Tiếp theo là nói về cái gì? Là sự sợ hãi. Thế nào là Nhân của sự sợ hãi? Xa lìa nhân ấy thì không còn sợ hãi”.

Giải thích: Trong Luận, nói về sự sợ hãi, có hỏi mà không có đáp. Còn nơi kinh nói về lìa sự sợ hãi thì có đáp mà không có hỏi, nên phần Số giải đã nêu ra đủ.

- Số từ câu: “Bốn là nêu nhân để hiển bày tướng” tiếp xuống: Văn nơi phần Số giải gồm hai:

Một: Giải thích về ý nghĩa của văn kinh.

Hai: Từ câu: “Quả của năm thứ sợ hãi” tiếp xuống: Là chia nghĩa để giải thích riêng. Chẳng theo thứ lớp để giải thích kinh mà dùng nghĩa loại để giải thích. Trong đó phân làm hai:

Thứ nhất: Làm rõ tổng quát về quả của năm thứ sợ hãi.

Thứ hai: Làm rõ nhân của năm thứ sợ hãi, cùng biện minh về nghĩa lìa bỏ.

Trong phần thứ nhất, chỉ phân biệt để tránh sự lẫn lộn về tướng, tức là giải thích văn. Gồm ba chi tiết:

Một là: Phân biệt chết với chẳng hoạt động.

Hai là: Từ câu: “Chết là căn cứ nơi Ái, ở nơi cõi Thiện” tiếp xuống: Là phân biệt với chết nơi cõi Ác. Đây vì sợ hãi thứ ba, bốn ở trước căn cứ nơi thân nên vì đây phân biệt với ba thứ trên có lẫn lộn cho nên phân biệt. Ác gọi là công đức, vì dễ nên không giải thích.

Ba là: Từ câu: “Chỉ nói về năm” tiếp xuống: Là thông tỏ chỗ vướng mắc, biện biệt phần thâm tóm. Nghĩa là có người hỏi: Sợ hãi có nhiều loại như đánh, trói v.v... há không sợ hãi sao? Cho nên vì vấn nạn đây mà thông tỏ. Tức năm thứ sợ hãi tức thuộc về loại sợ hãi chết, không sống.

- Số từ câu: “Nhân của sự sợ hãi ấy lược có hai thứ” tiếp xuống: Là phần hai, làm rõ nhân của sự sợ hãi, cùng biện minh về chỗ lìa bỏ. Văn nơi phần Số giải gồm ba:

Một: Dẫn Luận để biện minh tổng quát.

Hai: Phân biệt để giải thích.

Ba: Tổng hợp để tóm kết, chỉ rõ.

Một: Xem phần giải thích văn ở dưới thì hai Nhân tự hiển bày.

- Số từ câu: “Nhưng hai nhân ấy” tiếp xuống: Là phần hai, phân

biệt giải thích, được phân làm hai:

Một là: Giải thích chung.

Hai là: Giải thích riêng.

Phần riêng thì theo tướng mà hiển bày. Phần chung thì căn cứ nơi nghĩa bao gồm. Cho nên trong phần nêu rõ về chỗ chung tức là chỗ phân biệt của phần riêng.

Tức Thiện căn kém ít là Riêng, là Nhân của hai phần sau. Nay chung là Nhân của ba phần trước. “Chẳng hoạt động v.v...” thì chữ v.v... là chỉ cho chết cùng với điều ác gọi là tà trí, Ái chấp. Riêng là nhân của ba phần trước nay chung là nhân của hai phần sau. “Sợ hãi về đại chúng v.v...” thì chữ v.v... là chỉ cho nẻo Ác.

- Sở từ câu: “Nếu dùng tướng để hiển bày” tiếp xuống: Là phần hai, phối hợp, giải thích riêng. Gồm ba:

Một: Cùng nêu lên cả hai.

Hai: Từ câu: “Tà trí tức là” tiếp xuống: Là giải thích nhân thứ nhất. Phần này gồm bốn chi tiết:

Một là: Nhắc lại để giải thích văn của Luận.

Hai là: Từ câu: “Ái chấp nơi ngã” tiếp xuống: Là phần hợp riêng với ba Nhân.

Ba là: Từ câu: “Không có ngã, ngã sở” tiếp xuống: Là làm rõ chỗ lìa bỏ.

Bốn là: Từ câu: “Nhưng chẳng hoạt động” tiếp xuống: Là kết hợp để giải thích văn kinh.

- Sở từ câu: “Hai nhân sau” tiếp xuống: Là phần ba, giải thích nhân sau. Phần này gồm hai:

Một: Nêu Nhân.

Hai: Từ câu: “Nay gồm đủ phước, trí” tiếp xuống: Là biện biệt về chỗ lìa bỏ.

- Sở từ câu: “Nên thứ nhất là nhân của ba lìa” tiếp xuống: Là so với ba phần chung để tóm kết, chỉ rõ.

- Sở câu: “Tóm kết đáp lại chỗ nêu dẫn thứ nhất”: Gồm ba:

Một: Giải thích ý của kinh.

Hai: Nêu dẫn Luận.

Ba: Từ câu: “Ý cho là” tiếp xuống: Là giải thích Luận.

Thứ ba là phần An trụ: - Sở câu: “Chỗ nêu ra cảnh giới của Đế, Bảo v.v...”: Đế tức là cái thật nơi Lý, Sự. Bảo tức là Tam Bảo. Chữ đấng là chỉ cho công năng của các pháp thiện thế gian và xuất thế gian, đều là cảnh của đối tượng được tin tưởng.

- Sớ câu: “Tín tăng trưởng thành mong muốn”: Mong muốn tức là quả của Tín.

- Sớ câu: “Một là Tín của sự kính trọng”: Tức ở nơi đức đã tin tưởng.

“Hai là Tín của sự thanh tịnh”: Tức ở nơi Tam Bảo tin tưởng. Là bỏ mọi nghi hoặc uế trước nên gọi là thanh tịnh. Tức kinh giải thích câu nói về thanh tịnh.

- Sớ câu: “Hai thứ trên đều là thanh tịnh, là Tánh của Tín”

Trên đều là Duy Thức, đều như chỗ đã nêu ra ở trước.

- Sớ câu: “Ba là Tín của sự Quyết định tăng tiến”: Tức kinh gọi là Quyết định tin tưởng. Nay dùng kinh làm tên gọi, dựa theo Luận viết: “Do phân biệt tin tưởng, nên gọi là Tín của sự phân biệt tăng tiến” tức khiến kẻ khác chứng đắc Trí thanh tịnh, nên nay dùng chữ phân biệt để giải thích văn.

- Sớ từ câu: “Ba sự tăng tiến ấy” tiếp xuống: Là giải thích chung. Nhưng kinh hiện tại viết: “Phát khởi sự từ, mẫn”, nên Luận giải thích kinh nói: “Khởi tâm từ bi thương xót”. Luận giải thích rõ: “Dấy khởi tức lại trở thành hiện tiền. Nghĩa là dùng hàng trước địa tu tập để hội nhập nơi địa. Tức hiện tại ở trong địa, gọi là “lại chuyển thành hiện tiền”.

- Sớ câu: “Bảy là Tín của sự hổ thẹn tăng tiến là chỗ thành tựu nơi Thể của Hành”: Luận viết: “Ưu thích tu tập những Hành gì? Là Hành của pháp Ba-la-mật. Cho nên sùng kính các bậc Hiền Thiện là Hổ, cố sức thành tựu các độ như bố thí v.v... xem nhẹ, chống lại sự bạo ác là Thẹn, cố sức đối trị các thứ che lấp như tham lam keo kiệt.

Xem nhẹ, chống lại sự bạo ác, tức chẳng tham đắm nơi thế gian. Không ác, có thiện, nên gọi là trang nghiêm. Kinh Di Giáo có câu: “Dùng y phục hổ thẹn mà tự trang nghiêm”.

Tám là đạt được bạn bè, cũng tức là duyên của Hành. Luận viết: “Tăng là bạn bè, đồng sự an lạc.

Chín là kính pháp, tức là chỗ nương dựa của Hành. Luận viết: Hội nhập trong pháp gì? Nghĩa là giáo pháp của chư Phật, tức cũng là chỗ đạt đến của Hành, là chỗ hội nhập.

- Sớ câu: “Thứ hai là ngày đêm tu tập”: Phần này gồm hai:

Một: Dựa nơi Luận để giải thích.

Hai: Tùy theo chỗ cần thiết mà giải thích riêng.

- Trong phần một:

Thứ nhất: Là sự tích tập của chỗ gần gũi: Lại là phương tiện cầu pháp.

Thứ hai: Chính khi lãnh hội pháp, trực tiếp thừa hỏi là Vấn. Trực tiếp thừa đáp là Đáp. Giả nêu vấn nạn là luận bàn về nghĩa. Thông tỏ chỗ vấn nạn là giải thích.

- Số câu: “Năm câu sau tức là thứ lớp tu tập”:

Năm câu tức là thứ lớp. Lại nữa, trước nêu rõ về nội quán, sau là biện biệt về tùy duyên, cũng là thứ lớp.

- Số từ câu: “Lại nữa, khó đạt được” tiếp xuống: Là nêu lên sáu nghĩa về Sáu của thế gian, hiển bày sáu nghĩa chứng pháp:

Một: Hàng trước địa không có, nên gọi là “Khó đạt được”.

Hai: Đã đoạn trừ sự phân biệt, nên gọi là “Không cấu nhiễm”.

Ba: Có thể thực hiện hai lợi, nên gọi là “Thế lực”

Bốn: Có thể làm nghiêm tịnh Pháp Thân, nên gọi là “Trang nghiêm”.

Năm: Cùng đồng với Pháp giới, nên gọi là “Thù thắng”.

Sáu: Hoàn toàn được chẳng mất, nên gọi là “Chẳng đổi”.

Cũng được xem là đồng nghĩa với sáu quyết định.

- Số từ câu: “Về nghĩa thứ sáu, thứ bảy của sự tích tập kia” tiếp xuống: Là phần hai, tùy chỗ cần thiết mà giải thích riêng.

Nói “Trong đó, chủ thể đối trị tức là sự giác ngộ của bậc đại nhân” Trong phần văn đã nêu đủ, chỉ xa lìa một thứ để thâm tóm hai sự:

Một: Thâm tóm tịch tĩnh.

Hai: Thâm tóm sự không hý luận.

Hai sự này là cùng đối trị với “Chẳng xa lìa”.

- Nói “Tám sự giác ngộ” là:

Một: Ít ham muốn.

Hai: Biết đủ.

Ba: Tịch tĩnh.

Bốn: Tinh tấn.

Năm: Chánh ý (Tức là chánh niệm).

Sáu: Chánh định.

Bảy: Chánh Tuệ.

Tám: Không hý luận.

- Số câu: “Tám thứ chẳng thanh tịnh, đó gọi là tài sản của đời sống”: Tức nơi kinh đại Niết-bàn, quyển thứ sáu, phẩm Tà Chánh. Văn của kinh đã nêu bày rộng mà không phân loại rõ. Phần Số giải đã dựa nơi kinh “Thiện Sinh Ưu Bà Tắc” để nêu dẫn đủ:

Một: Tậu, xây ruộng đất, nhà cửa.

Hai: Trồng trọt các thứ cây cối.

Ba: Tích trữ lúa thóc v.v... Để cầu lợi.

Bốn: Nuôi hàng nô tỳ.

Năm: Chăn nuôi các loại gia súc.

Sáu: Chứa giữ vàng bạc tiền quý.

Bảy: Chứa giữ các thứ ngà voi, vật chạm khắc bằng vàng bạc, giường lớn, chăn đệm sang quý.

Tám: Chứa giữ các loại nồi, vạc bằng đồng, sắt.

- Sớ từ câu: “Thứ ba là cầu đạt Nhất Thiết Trí” tiếp xuống: Là trong phần “thành tựu của Hồi Hưởng”.

- Nói: “Phần chung tức sự việc của đối tượng được cầu đạt gọi là Nhà”: Luận có mười một câu. Câu đầu là chung, phần còn lại là riêng. Nếu theo nẻo Hành thì cần phân biệt ba đoạn:

Một: Tức cầu đạt Nhất Thiết Trí nơi địa là “Nhà”.

Hai: Cầu đạt các pháp Bất cộng, Lực vô úy, là “Nương dựa nơi Nhà”.

Ba: Câu còn lại, nêu rõ việc cầu đạt không chướng ngại.

Luận riêng nêu về mười một thứ cầu đạt xong, tổng kết viết: “Trong đó cầu những sự việc gì? Là cầu đạt Nhất Thiết Trí nơi địa. Dùng sự quán xét nào để cầu đạt? Quán pháp Bất cộng, Lực vô úy của chư Phật. Cầu đạt như thế nào? Cầu các pháp Ba-la-mật không chấp trước. Ba thứ cầu đạt này là Nhà, nương dựa nơi Nhà và cầu đạt không chướng ngại.

Giải thích: Nay phần Sớ giải trích dẫn riêng để phối hợp giải thích, đều không trái với Luận. Do đó, câu chung hiện tại là nói về “Nhà”.

- Nói “Phần chung là sự việc của đối tượng được cầu đạt”: Trong đó, chính là biện minh về cầu đạt Phật. Cho nên Nhất Thiết Trí tức là dựa vào sự việc của đối tượng được cầu đạt. Vì thế, Luận tiếp phần trên viết: “Cầu đạt các sự việc gì, gọi đó là Nhà? Tức ở trên Luận gọi là Nhà, một trong ba sự cầu đạt ấy. Đây tức dùng sự việc gọi là Nhà. Từ Nhất Thiết Trí nơi địa cầu đạt về trụ xứ, Sớ đã dùng kinh để giải thích Luận, là chữ “Nhà”: Trụ xứ tức là Nhà.

- Sớ câu: “Phần riêng tức Nhân của chủ thể cầu đạt”: Từ phần chung chia ra, đều nhằm nêu rõ nghĩa cầu đạt. Tuy có ba đoạn, nhưng hai đoạn sau đều nói về Nhân. Trong Nhân phân làm hai:

Một: Là Quán. Tức Luận viết: “Dùng Quán gì để cầu đạt, gọi là dựa nơi Nhà?” Tức ở trước Luận nói về hai chữ “Y gia” (dựa nơi nhà) trong ba thứ cầu đạt.

Từ câu: “Ở trong nghĩa Nhà nêu trước” tiếp xuống: Là phần Số giải thích nghĩa Quán. Về mười Lực, Vô úy tức Nhất Thiết Trí nơi địa, dựa vào đấy để thành Quán, nên gọi là “Nương dựa nơi Nhà”.

- Số câu: “Mười câu còn lại là Hành của chủ thể cầu đạt”: Tức ở trên Luận viết: “Cầu đạt như thế nào?” Tức cầu đạt không chướng ngại trong ba thứ cầu đạt, đều để đối trị với sự ngăn che.

- Số câu: “Hoặc thuận với phần nhiều hơn v.v...”: Gồm cả phần trên là có ba:

Một: Thuận với chẳng cùng hợp.

Hai: Thuận với nhiều cùng ít.

Ba: Cùng thuận với hơn và kém.

- Trong phần năm là nói về “Cầu đạt chẳng xả bỏ” gồm hai phần:

Một: Giải thích văn.

Hai: Từ câu: “Siêng năng gắng sức” tiếp xuống: Là giải thích chỗ vướng mắc.

Nơi phần một, nói: “Giới pháp vô lượng”: Tức giới có ba tụ, ba ngàn oai nghi, tám vạn vi tế.

Câu: “Kiếp số dài xa” Tức một lần thọ nhận thì chẳng xả bỏ cho đến khi thành Phật.

Nói “Giới pháp tinh diệu” Tức nhằm ngăn chặn nơi “Ý địa” khởi tâm, động niệm, là hủy phạm luật nghi. Luận nơi “Chỉ, tác” nên gọi là Trì. Ba tụ tiến tới nẻo Thiện, lợi sanh, gọi là Hành.

- Số câu: “Hành khó, bại dễ”: Tức chẳng giống với định tuệ, chứng đắc nẻo an lạc của pháp là vững chắc, khó mất.

- Số câu: “Ba câu sau là dục”

Tức ở trên văn viết: “Ba câu sau, Tín tăng trưởng thành dục” (mong muốn).

“Mười câu tiếp theo là Tinh tấn” tức “Tu hành thành tựu”.

“Mười câu sau là Phương tiện” tức “Hồi Hướng thành tựu”, có thể dùng một ít pháp thiện mà thành vô lượng quả. Cho nên gọi là: “Phương tiện cũng chẳng vướng mắc nẻo tịch tĩnh”.

- Số từ câu: “Trên là dựa nơi Luận” tiếp xuống: Là lại chỉ rõ về lý riêng. Là bốn chương nên cũng là Nhiếp Luận phần thứ sáu nói về việc đoạn trừ chướng của bốn xứ. Nhưng có chia, hợp.

Thứ tư là Phần đối chiếu chỗ thù thắng:

- Số từ câu: “Nghĩa là an trụ nơi địa này” tiếp xuống: Văn gồm hai:

Một: Giải thích tên gọi chung, gồm luôn việc làm rõ chỗ giới hạn, chung nơi một địa.

Hai: Từ câu: “Hỏi: Kinh nói” tiếp xuống: Là phần hỏi - đáp để phân biệt xác định. Trước là hỏi, sau là đáp. Nơi phần hỏi đã dẫn kinh Đại Bát Niết-bàn quyển thứ ba mươi tám, đoạn Bồ tát Ca Diếp tán thán Phật :

*“Bậc đại y vương thương thế gian
Thân và trí tuệ đều tịch tĩnh
Trong pháp vô ngã có chân ngã
Vì thế kính lễ vô thượng tôn
Phát tâm, rốt ráo không sai biệt
Hai tâm như vậy, Tâm trước khó
Mình chưa được độ, trước độ người
Do đó con lễ “Sơ phát tâm
“Sơ phát” đã là Thầy Trời người
Hơn hẳn Thanh văn cùng Duyên giác
Phát tâm như thế vượt ba cõi
Nên được gọi là tối vô thượng”.*

Câu: “Nên Sa-di phát tâm” tức là văn của Trí Luận nói về trường hợp hai Thầy (A-la-hán) trò (Sa-di) trên đường hành hóa, vị Sa-di hối nhiên phát tâm Bồ đề. Xưa có vị A-la-hán dẫn đệ tử Sa di cùng cầm y bát đi theo. Bỗng nhiên trên đường Sa-di phát tâm Bồ đề. Vị A-la-hán biết tâm niệm trì, bèn cầm lấy y bát, để Sa-di đi trước. Khi đi trước Thầy, Sa-di thấy trên đường có rất nhiều côn trùng nhỏ, bèn nghĩ chúng sinh nhiều như thế, khó có thể hóa độ, nên thoái đại vân. Vị A-la-hán lại biết được tâm niệm Sa-di kia, liền đưa y bát lại cho Sa-di, bắt đi phía sau. Sa-di ngạc nhiên hỏi. Người trước phát đại tâm, là chỗ quy kính của các hàng A-la-hán nên Ta phải nhường cho người đi trước, về sau thoái tâm Bồ đề, cho nên là phàm phu, không thể ở trước ta mà đi được, nên phải đi sau. Câu “Như thế nào” tiếp xuống là kết phần vấn nạn (hỏi)

- Sở từ câu: “Nhưng về nghĩa thù thắng kia” tiếp xuống: Là phần đáp. Gồm ba chi tiết:

Một: Nêu lên Thể của Tâm.

Hai: Từ câu: “Ba thứ ấy - Nguyện, Hành, Trí - trải khắp các bậc” tiếp xuống: Là chia chương để giải thích.

Ba: Từ câu: “Nay ở đây chính là biện minh” tiếp xuống: Là tóm kết phần đáp lại.

Trong phần hai, nói “Hai là sự thù thắng của Tín”: Tức đã ở nơi

pháp Đại thừa quyết định lý giải, lãnh hội, dựa vào chỗ Quán, giải sâu xa để dấy khởi Hành, Nguyện, nên gọi là “Gồm đủ ba Tâm”. Như nơi phẩm Vấn Minh gọi là Trí, trong phẩm Tịnh Hạnh thì gồm luôn việc nêu rõ về Hành, Nguyện.

Câu: “Ba là sự thù thắng của giải”: Tức mọi chủng tử của tập khí đã dứt trừ, ở nơi pháp giới thâm diệu lãnh hội đúng như thật.

“Bốn là sự thù thắng của Hành”: Từ “Tánh chủng trở lên là dựa đủ nơi “Chủng Trí” với tất cả nẻo Hành hóa.

“Năm là sự thù thắng của Nguyện”: Tức Hồi hướng về Đại nguyện, hướng tới ba chốn.

Nói “Ba Hiền trải khắp riêng ba Tâm”: Là theo chỗ tăng tiến hơn hẳn mà nói. Về chung cũng gồm đủ ba như nơi Phẩm Thập Trụ đã nêu.

- Sở câu: “Phần sau biện minh về chỗ thù thắng của Quả, cũng là quả của ba Tâm”: “Điều hợp dịu dàng là quả của Hành. “Phát khởi hướng tới” là quả của Trí. Nguyện Trí thì chung nơi hai Quả. Thâu tóm phần báo thì chung cả ba Quả.

- Sở từ câu: “Tuy trải khắp giới định của các địa” tiếp xuống: Là lãnh hội chỗ thuyết giải khác. Tức theo Đại sư Tuệ Viễn thì có mười bảy thứ vượt hơn. Mười nghĩa thì đồng với phần Sở giải.

Địa thứ Hai: Sự vượt hơn của Tịnh nghiệp, tức giới thanh tịnh.

Địa thứ Ba: Sự vượt hơn của định tự tại.

Địa thứ tư: Sự vượt hơn của việc tu tập đạo phẩm chẳng lìa bỏ chúng sinh

Địa thứ năm: Sự vượt hơn của việc chẳng trụ chấp nơi đạo hành.

Địa thứ sáu: Sự vượt hơn của Giải, Hành hết mực sâu xa.

Địa thứ bảy: Sự vượt hơn của tịch tĩnh và diệu dụng của hiện bày.

Địa thứ tám: Sự vượt hơn của công dụng lợi tha.

Địa thứ chín: Sự vượt hơn của việc biện biệt nêu giảng về Hành.

Địa thứ mười: Sự vượt hơn của việc thành tựu Trí vi tế.

Gồm luôn trong địa thứ nhất lại có hai lượt: Một là sự vượt hơn của chỗ chứng đắc, như trước đã nêu. Hai là sự vượt hơn của việc cầu đạt thù thắng, tức mọi chứng đắc, cầu đạt nơi địa được viên mãn, không thái quá.

Ở đây có mười một nghĩa, chỉ giữ lại nghĩa “Chứng đắc”. Sau, đến địa thứ bảy thì công dụng viên mãn. Địa thứ tám trở lên thì không còn dụng công. Cho nên viết là: “Tuy trải khắp các địa nhưng không lìa ba

Tâm”. Ở trong mười một nghĩa giữ lấy ba, bỏ tám. Nơi phần Sở giải thì năm nghĩa trước, một nghĩa sau là giống, tức đã giống với chín nghĩa kia, thêm phần thứ chín là “Đẳng Giác” nên chính là mười sự vượt hơn. Hỏi: Như có mười lớp nghĩa thì nay chỉ đối với hàng trước địa, để biện minh nghĩa thù thắng là đủ rồi, đâu cần đối với Nhị thừa để nói? Đáp: Bởi tiểu thừa là chỗ đối lập của Đại thừa. Phàm muốn biện minh ý nghĩa thù thắng hơn, lớn nhiều hơn đều phải đối Tiểu thừa mà nói, cho đến quả vị Phật cũng đối như thế, không ít Kinh nói về việc này. Như Kinh Pháp Hoa nói: “Trí tuệ của chư Phật rất sâu xa khó hiểu, tất cả Thanh văn, Bích chi Phật không thể nào hiểu được”.

- Sở từ câu: “Văn phân làm ba” tiếp xuống: Là chính thức giải thích văn kinh. Sở dĩ gồm ba phần, tức do hành hóa, Tu tập có khởi đầu, chung cuộc.

- Sở câu: “Nên phần tiếp sau nơi Luận viết”: Do Luận trước là giải thích rộng về mười nguyện xong, sau mới dùng nghĩa để thu gọn. Nay thì trước là môn nghĩa, nên nói “Phần sau nơi Luận” Phàm có câu như thế thì đều dựa theo đấy để nhận biết.

- Sở từ câu: “Mà nói là đại” tiếp xuống: Là giải thích chữ đại (lớn lao - đại nguyện) gồm có phần chung, riêng. Riêng thì nêu rõ ở nơi văn. Chung thì có ba chi tiết:

Một: Chính thức giải thích.

Hai: Từ câu: “Luận Du Già” tiếp xuống: Là dẫn chứng.

Ba: Từ câu: “Nay phân biệt chỗ khác với trước” tiếp xuống: Là tóm kết, chỉ rõ.

Một: Trước hết là nêu dẫn văn của Luận. “Quang minh, Thiện căn”, đây là nêu lên “Thể lớn”. “Chuyên hơn, tăng rộng”, đây là chỉ về “Tướng lớn”.

- Từ câu: “Nghĩa là Giáo, Chứng” tiếp xuống: Là phần Sở giải thích văn của Luận.

- Sở câu: “Gồm luôn việc dùng chỗ tùy thuộc tức là hai nguyện sau”: Tức “Chánh nguyện” chỉ căn cứ nơi thâm nhận pháp thiện của Bồ tát, khác với hàng phàm phu, Tiểu thừa. “Đại nguyện” thì hiển bày về Hành tướng sâu rộng, nên hai loại ấy chẳng đồng. Tức Chánh nguyện thì chung, đại nguyện thì riêng. Chánh chưa hẳn đã là đại, nhưng đại ắt phải là Chánh, nên gồm cả hai.

- Sở câu: “Tức do Dục, Thắng giải, Tín là ba”: Dục, Thắng giải thâm tóm trong “Biệt cảnh”. Tín tức là Thiện, đều như trước đã giải thích. Nay, mong cầu tức là dục, cần được thâm lấy, duy trì cảnh giới ở

trước, mới gọi là Nhẫn, Lạc, Dục, mà Tâm vẫn thanh tịnh.

- Số câu: “Trước là căn cứ nơi Hành”: Gồm hai:

Một: Biện minh riêng.

Hai: Từ câu: “Nếu căn cứ nơi chung” tiếp xuống: Là biện minh chung về hai Lợi.

- Số câu: “Một là dùng thân gì...” trong đó năm câu. “Luận có năm trưng dẫn” tiếp xuống: Là phần Số giải đáp, nghĩa thuộc nơi kinh văn. Như câu: “Một là dùng thân gì” là Luận. “Nghĩa là thâm tóm pháp” tiếp xuống: Là phần Số giải dựa nơi kinh để làm rõ. bốn câu sau đều như thế, nhưng chỉ giải thích hai câu trước, ba câu sau thì để lãnh hội.

“Bốn là trú xứ của chúng sinh” tức là Nguyện thứ sáu: “Thừa sự nguyện”. Có hai nghĩa, nay chọn nghĩa trong cõi có chúng sinh nên đến để giáo hóa.

- Số câu: “Ba câu sau là Bất định”: Tự có ba cách giải thích.

Một: Là ý theo cách Số giải xưa.

Hai, Ba: Tức là theo Luận.

- Số từ câu: “Ba địa sau là nêu rõ về quả vị” tiếp xuống: Tức từ địa thứ nhất đến chứng đắc Như là đồng với Thánh, nên đến địa thứ chín vẫn không lìa các hội của Bồ tát. Hai là địa thứ mười mới đạt được ba nghiệp chẳng không. Ba là Như Lai địa thì có thể nhận biết.

- Số câu: “Đã thâm tóm hai nghiệp v.v...”:

Một là: “Phước nghiêm”.

Hai, Ba là: “Trí nghiêm”.

Bốn là: Chung cả hai nghiêm.

Năm, Sáu là: “Phước nghiêm.

Bảy, Tám là: Chung cả hai.

Chín: Là Phước trọn đủ.

Mười: Là Trí viên mãn.

Nhân, Quả, Hành, Vị thì như vừa biện minh.

- **Nguyện thứ nhất** (cúng dường nguyện): Câu: “Một là, dấy khởi đầu tiên cần có hạng” tiếp xuống: Là giải thích ba câu ấy. Luận ở trong chỗ tóm kết của phần sau. Phần giải thích lại đem chỗ Luận giải thích kinh về hai câu chẳng giống nhau.

Hai: Là “Đại phương tiện”.

Ba: Là “Đại Hành”.

Nhưng nơi mỗi mỗi câu đều có ba đoạn. Như câu đầu nói: “Dấy khởi đầu tiên cần có kỳ vọng” là sở nêu ra ý. Đoạn hai: “Thệ nguyện lớn như thế” là nhắc lại kinh để chứng minh. Đoạn ba: “Tùy theo Tâm

mà cầu đạt nghĩa”: Là Luận giải thích. Hai câu sau đều như vậy.

- Sở câu: “Nên biết nguyện ấy cũng tức là Hành”: Tức Luận nói “Dấy khởi ba Hành này”.

- Sở câu: “Thanh tịnh giải là Tin về Nhân quả”: Nhân tức là chữ “Giải”. “Thắng Giải” tức ở nơi cảnh thâm lấy, duy trì làm Tánh. Chẳng thể dẫn, chuyển là Nghiệp. Tức Luận Duy Thức nói về nghĩa Thâm nhãn.

Thanh tịnh là Quả. Nếu dựa theo duy Thức thì “Lạc dục” là Quả. Nay đối chiếu với Nhân ở trên, nên Tâm thanh tịnh là Quả.

- Sở câu: “Một là thâm tóm công đức lớn” (Một trong ba cái lớn): Từ đây trở xuống nói về ba cái lớn, tức là địa thứ nhất. Đầu tiên là hai trong sáu quyết định:

Một: “Thắng thiện quyết định”: Có nghĩa là thù thắng trong tất cả các thứ thiện căn khác. Ý ở đây là chọn lấy nghĩa thù thắng, không chọn nghĩa quyết định.

Hai: Là quyết định thứ ba: “Nhân thiện quyết định”, được chia làm hai.

- **Nguyện thứ hai** (Thọ trì nguyện) cũng gồm: Trước là nói về Giáo, sau là bàn về Chứng. Ở trên là căn cứ nơi Giáo Lý Hành Quả để giải thích văn kinh. Nhưng Luận giải thích kinh chỉ có ba câu:

- Câu một: Nêu rõ về Giáo.

- Câu hai: Biện minh về Chứng.

- Câu ba: “Tất cả pháp giáo hóa của chư Phật thảy đều được gìn giữ” Đây tức là dùng phần Giáo, Chứng ở trước để hóa độ chúng sanh, nên gọi là Hành. Luận, trong phần sau, giải thích chữ Giáo, đã gọi là Tu đa la. Đó là giải thích về pháp luân đã được sao chép, cúng dường, đọc tụng, thọ trì, vì người khác mà giảng nói. Đây là giải thích chữ “Thọ” tức như giải thích câu tiếp theo gọi là “Nhiếp thọ (thâu nhận) tất cả pháp Bồ đề của Phật”. Tức là chứng đắc ba thứ pháp Bồ đề của Phật. Thâu nhận pháp chứng đắc ấy để giáo hóa, chuyển nhận. Do đó, giải thích câu thứ ba như hiện tại.

Từ câu: “Câu ba gọi là hộ trì giáo pháp” tiếp xuống: Là phần nêu dẫn văn của Luận. Trên là sơ đã thuận theo bốn thứ “Giáo Lý Hành Quả”, nên vì đây mà phối hợp. Nếu phối hợp với Giáo, Chứng thì cũng có thể thành hai phần sau: Hộ trì pháp của giáo đầu tiên để duy trì pháp đã chứng đắc ở trên.

- Sở từ câu: “Trên là căn cứ nơi bước đầu tu tập” tiếp xuống: Là nêu rõ về nghĩa thành tựu. Hành, Đức tương ứng gọi chung là Thành

tự. Luận cũng nêu: “Ba là thành tựu, bốn là tăng thêm nghĩa thuận với pháp. Cho nên Luận giải thích câu thứ ba viết: “Ba là tu hành, cho đến tu tập đúng như thật, thành tựu chánh giác” tức tu tập theo chỗ chứng đắc nêu trên.

Ở trên Luận nói “Ba thứ Bồ đề”, Luận tự giải thích: Tức Bồ đề của ba Thừa. Đây có hai ý:

Một: Nêu rõ Bồ đề của Bồ tát là bao hàm của Bồ đề.

Hai: Theo chỗ thích hợp mà hóa độ muôn vật.

- **Nguyện thứ ba** (chuyển pháp luân nguyện)

“Nêu rõ về tám Tướng như nơi phẩm Ly Thế gian”: Nay kinh nêu đủ về mỗi tướng kia đều có mười nghĩa. Nhưng cũng có Phật không đủ tám tướng, như Phật Thiên Vương, là bạch y (tại gia) thành đạo. Nếu cho là lia tục để xuất gia thì cũng đủ vậy. Hoặc như Phật tu Phiến Đa không có chúng sinh có thể hóa độ! Tức chẳng đủ tướng chuyển pháp luân. Nhưng lưu lại một Hóa Phật nữa, kiếp giáo hóa người, thế thì cũng đủ tám tướng vậy.

Luận giải thích về “Tất cả xứ” viết: “Thuận theo chỗ thấy biết của chúng sinh”. Cho nên phần sau là nhận định, phân biệt đã nêu:

Một: Do đâu chẳng ở nơi cõi Sắc, Vô sắc? Là e sợ chúng sinh cho rằng từ “Xứ nạn” ấy đến chẳng vì mình để thành tựu.

Hai: Vì sao chẳng ở nơi cõi Tha Hóa mà lại sinh ở nơi cõi Đâu Suất? Là nhằm khiến cho chúng sinh biết là đã lia bỏ chỗ diệu lực thù thắng kia tức vì đã thương xót mình.

Ba: Do đâu khi hạ sinh nơi cõi người đã xả bỏ dục lạc của cõi trời? Là vì thương xót con người.

Bốn: Vì sao ở trong thai đã thị hiện cùng sinh? Là nhằm để tăng trưởng diệu lực.

Năm: Do đâu tự thành chánh giác, chỉ rõ chẳng phải là sự giáo hóa của Phật khác? Là nhằm hiển bày uy lực của bậc trượng phu được thành tựu, chẳng phải là nhân nơi kẻ khác mà đạt được đạo quả Bồ đề.

Sáu: Do đâu mà nhập Niết-bàn? Là để khiến cho hàng chúng sinh biếng trễ dốc tâm tu tập theo đạo pháp.

Đây là cùng nêu lên, chỉ rõ một nghĩa trong tám Tướng mà thôi. Phần sau, nơi phẩm Ly Thế gian đều nêu đủ về mười nghĩa, nên Sơ giải hoàn toàn.

- **Nguyện thứ tư** (Tu hành nhị lợi nguyện).

Câu: “Thế gian, xuất thế gian đều có nhiều chỗ dị biệt”: Tức biện minh về xuất thế. Xuất lược có hai nghĩa:

Một: Căn cứ vào quả vị. Nghĩa là hàng trước địa là thế gian, bậc trên địa là xuất thế gian.

Hai: Tùy theo nghĩa. Giáo đạo (con đường giáo hóa) là thế gian. Chứng đạo (con đường chứng đắc) là xuất thế gian. Nay, phần sau nói “Rộng lớn vô lượng” tức là “Giáo đạo”, nên là thế gian. Chẳng bị hủy hoại, chẳng xen tạp tức là “Chứng đạo”, nên là xuất thế gian.

Từ câu: “Nên gọi là chủng chủng” tiếp xuống: Cho đến câu “tám địa trở lên ba Hành” là văn của phần Sở giải.

Câu: “Ý nêu rõ về Hành của Tục trí là Sở giải, phần còn lại đều là văn của Luận.

- Sở từ câu: “Pháp vô ngã” tiếp xuống: Tức là Luận giải thích.

Từ câu: “Nghĩa là chẳng lẫn lộn” tiếp xuống: Là Sở giải thích văn của Luận, có ba đoạn:

Một: Giải thích kinh.

Hai: Từ câu: “Nếu dựa nơi Luận Du Già” tiếp xuống: Là lãnh hội cách giải thích khác.

Ba: Từ câu: “Ý của Luận chủ là nhằm nêu rõ” tiếp xuống: Là kết hợp thông tỏ về hai Luận.

Nói: “Nghĩa chẳng khác với trước”: Tức rộng lớn, Vô lượng, chẳng bị hủy hoại đều giống nhau. Cho nên Luận du Già đã giải thích một cách thích hợp về nghĩa rộng lớn v.v...

- **Nguyện thứ năm** (Thành thực chúng sinh nguyện)

- Sở câu: “Làm rõ đối tượng được bao gồm của sự hóa độ: Tức Luận viết: “Do nghĩa gì nên hóa độ?”.

- Sở câu: “Cõi trời Vô Tưởng là vi tế”: Tức mười tám cõi trời trong Sắc giới, chỉ trừ cõi trời Vô Tưởng, còn lại đều là Hữu Tưởng. Trời Vô Tưởng và trời Quảng Quả là đồng xứ, hàng ngoại đạo cho đây là Niết-bàn cứu cánh. Tu tập định Vô Tưởng, sinh nơi cõi trời ấy, đạt được trăm kiếp tâm không bị quả báo. Đệ tử của Phật không sinh trong cõi ấy.

- Sở câu: “Hóa sinh dựa nơi nghiệp gì mà sinh nhiễm”: Luận chỉ nêu: “Nghiệp sinh” là dựa nơi nhân quả. Chữ “Nhiễm” là ý của Luận Câu xá, Phẩm Thế Gian. Kệ của Luận viết:

“Tâm đảo hướng cảnh dục

Thấp, Hóa, Nhiễm Hương, Xứ”.

Tức Thấp sinh nhiễm Hương, Hóa sinh nhiễm Xứ.

- Sở câu: “Nhưng bốn loài đã thấu tóm hết sáu cõi, tức chung riêng có khác nhau: Cũng là ý của Luận Câu Xá. Kệ của Luận viết:

“Người, súc sinh đủ bốn

*Địa ngục cùng chư thiên
Trong ấy chỉ Hóa sinh
Quý chung hai: Thai, Hóa.”*

Nay phần Số giải nêu dẫn, về cách diễn đạt có sự sai biệt nhỏ, nhưng nghĩa lý thì đồng. Con người có đủ bốn cách sinh. Sinh trứng như phu nhân Tỳ-xá-khư sinh ba mươi hai trứng, mỗi trứng nở ra một con. Hoặc hậu phi của vua Ban-già-la sinh năm trăm trước mỗi trứng cũng nở ra một người con. Sinh từ sự ẩm ướt như vua Đỉnh sang từ những mụn nhọt trên đỉnh đầu mà sinh. Sinh từ sự biến hóa, như lúc kiếp đầu tiên dấy khởi. Còn loại bàng sinh cũng đủ bốn cách sinh, loại này có thể biết. Riêng hóa sinh như Rồng Ca-lâu-la v.v... Quý thì chung cả hai cách: Thai và hóa sinh. Ví như Ngạ quỷ thừa với Ngài Mục Liên: Tôi ban đêm sinh năm trăm con, tùy sinh ra đều tự ăn lại. Ban ngày sinh ra cũng vậy. Tuy ăn hết mà vẫn không no. Đây là Thai sinh, còn Hóa sinh có thể biết. Tức không có mà chợt nhiên có là vậy.

- Sơ câu: “Lại, do sáu cõi chẳng gồm thâm Trung hữu nơi Hóa sinh”: Tức là phần rộng, hẹp. Luận Tạp Tập viết: “Là chúng sinh thâm tóm cõi, hay là cõi thâm tóm chúng sinh? Luận tự giải thích: “Nghĩa là chúng sinh thâm tóm cõi, chẳng phải là cõi thâm tóm chúng sinh. Vì sao? Vì “trung ấm” chính là Hóa sinh nên cõi chẳng thể thâm tóm.

- Câu: “Sáu là chỗ thâm tóm của Danh sắc”: Nghĩa của Danh sắc đến phần địa thứ sáu này sẽ nêu bày.

- **Nguyện thứ sáu** (Thừa sự nguyện).

- Sơ từ câu: “Luận Du Già viết” tiếp xuống: Là biện giải về tên gọi khác.

- Từ câu: “Nay kinh chỉ nói” tiếp xuống: Là kết hợp giải thích.

Câu: “Nhận biết về trụ xứ của Phật, chúng sinh”: Tức nhận biết về trú xứ của chúng sinh để đến hóa độ. Biết trú xứ của Phật để đến cúng dường. Trong kinh nói, chữ “Thừa sự”, về nghĩa đã hiển bày rất rõ. Kệ viết:

*“Ở trong vi trần, một đầu lông
Xuất hiện cõi ba đời trang nghiêm
Các đầu lông “Trần sát” mười phương
Ta đều hội nhập để nghiêm tịnh
Chỗ có đèn đời chiếu vị lai
Thành đạo, chuyển pháp, độ muôn loài
Phật sự trọn vẹn, hiện Niết-bàn
Ta đều đi đến để gần gũi”.*

Giải thích: Kệ trước tức nói về “Nhất thiết tướng” cùng Chân thật nghĩa tướng và Vô lượng tướng. Kệ sau chính là biện minh về “Thừa sự” nơi cõi trang nghiêm, cũng gồm luôn việc hóa độ chúng sanh.

- Sở từ câu: “Một là Nhất thiết Tướng”: “Nhất thiết tướng” là Tướng của cõi. “Chân thật Nghĩa tướng” là Thể của cõi. Cùng Tánh, Tướng thông dung, thế giới thật như vậy nên gọi là “Nghĩa Chân thật”. Nhưng về phân lượng thì căn cứ nơi “Tam thiên”. Lại căn cứ theo Quyền, Thật cùng hiện bày về dụng, nên như Phẩm Thế Giới thành tựu đã nêu. Do đó, phần thứ ba tiếp sau biện minh về “Vô lượng tướng”, Sở giải viết: “Thô, là nghĩa sắc giới, Tế là nghĩa Vô sắc giới. Lại hai cõi dưới là Thô, do giải thích rộng... đã căn cứ vào Tam thiên. Thô Tế cũng lại dựa nơi ba cõi. Các nghĩa còn lại đều như nơi Hội thứ nhất.

- **Nguyện thứ bảy** (Tịnh độ nguyện).

- Sở từ câu: “Nguyện tạo sự thanh tịnh” tiếp xuống: Văn nơi bản Sở giải gồm ba:

Một: Hiện bày tổng quát về chỗ lập ý.

Hai: Từ câu: “Ở trong Hành tướng” tiếp xuống: Là giải thích văn.

Ba: Từ câu: “Trong bảy Tịnh nêu trên” tiếp xuống: Là thấu gọn.

- Nay nói về phần một. Lược nêu ba Tịnh, thấu tóm nơi cõi Tịnh:

Thứ nhất: “Làm thanh tịnh cõi của chính mình”, tức là “Tướng tịnh”, như Tịnh thứ ba (Trang nghiêm tịnh).

Thứ hai: An lập chánh pháp, tức “Sự thanh tịnh của pháp môn được lưu hành rộng khắp”, như tịnh thứ bảy (Quả tịnh).

Thứ ba: Cùng chúng sinh tu tập, tức “Sự thanh tịnh của chúng sinh nơi trú xứ”, như Tịnh thứ năm (trú xứ chúng sinh Tịnh).

Hiện bày ba Tịnh ấy tức là ý của Tịnh độ. Tự, Tha thọ dụng cùng cõi biến hóa thủy đều gồm đủ.

- Sở câu: “Một là đồng Thể Tịnh”: Có hai ý:

Một: Nêu rõ về cõi của Báo, Ứng, đều dùng cõi của Pháp tánh làm Thể. Tức Sự, Lý không ngăn ngại.

Hai: Từ câu: “Nên khiến một, nhiều” tiếp xuống: Do Tướng tức Tánh, dùng Tánh dung hợp Tướng, khiến cho Báo, Ứng v.v... Và cõi nhiễm tịnh cùng tương tức, tương nhập.

- Sở câu: “Tức Tự tại tịnh”: Cõi Tịnh lược nêu có hai thứ:

Một: Là Tướng tịnh, tức tịnh thứ ba (Trang nghiêm tịnh).

Hai: Là Tự tại tịnh, tức văn hiện nay.

Từ câu: “Như ngọc báu Ma ni” tiếp xuống: Là dụ về Tướng tự tại,

tùy theo căn cơ mà hiện bày. Như Tôn giả Thân Tử, Phạm thiên Loa Kế đều thấy chẳng giống nhau (kinh Duy Ma).

Mà nói “Đều thanh tịnh khắp”: Là theo nơi lời Phật nói: “Không gì là không thanh tịnh”. Cho nên kinh Tịnh Danh viết: “Cõi này của Như Lai là thanh tịnh mà Tôn giả chẳng thấy”, tức dùng tính chất tự tại viên thông làm sự thanh tịnh danh, như nơi địa thứ tám.

- Sở từ câu: “Như thọ dụng loại cơm thơm” tiếp xuống: Là dẫn kinh Tịnh Danh để chứng minh.

Câu: “Các Hoặc nơi thân được diệt trừ” là chứng minh về sự lìa bỏ lỗi lầm, đạt Đoạn đức.

“Nhập chánh vị v.v...” là chứng minh cho sự thành tựu Hành đức.

Chữ “vân vân” là chỉ cho phần kinh còn lại nơi kinh Tịnh Danh. Trong phần bàn về “Giáo Thể” ở trước đã biện minh. Đến phẩm Pháp Giới sẽ lại hiển bày.

- Sở câu: “Nơi chỗ ở của con người gồm đủ đức”: Cũng gọi là “Trang nghiêm chỗ bấu của con người”. Cũng giống với kinh Tịnh Danh nói: “Chúng sinh không đua nịnh đến quốc độ này”.

Về “Nhân tịnh” như nơi Phẩm Thế Giới.

- Sở câu: “Một là quả của đối tượng được sinh”: Là “Sinh nhân” chiêu cảm hợp với căn cơ để hiển thị, tức dựa nơi nhân chiêu cảm là hậu trí chung cả tuệ, nên Luận tóm kết viết: “Hiển bày thần lực của trí”.

- **Nguyện thứ tám** (Bất ly nguyện).

- Sở câu: “Một là phước thiện cùng tích tập”: Thiện căn là phước. Không có oán, ganh, tức Tâm đồng tướng.

Câu: “Hai là Trí Quán bằng nhau” là không có hai Như nên đồng với ba Đế.

- Sở câu: “Tùy ý hiện thân”: Là chung cho Tha thọ dụng cùng với Biến hóa.

- Sở từ câu: “Chẳng do sự giáo hóa của người khác” tiếp xuống:

Nhưng kinh viết: “Thuận theo tự tâm ấy, có thể nhận biết tất cả cảnh giới của Như Lai”, tức là “Chứng đạo”. Uy lực, trí tuệ là “Giáo đạo” của Bồ tát. Đây là căn cứ theo chủ thể nhận biết. Nếu căn cứ theo đối tượng được nhận biết thì uy lực là diệu dụng của “Giáo đạo” nơi Phật. Trí tuệ là đức của “Chứng đạo” nơi Phật. Căn cứ theo Bồ tát là chứng biết cảnh giới của Phật. Cảnh giới tức Chân như, là cảnh của đối tượng được nhận biết. Uy lực, trí tuệ là “Sở hữu” của Phật, tức “Cảnh giới phân đều (phân tề)”.

- **Nguyện thứ chín** (Lợi ích nguyện).

- Số từ câu: “Trước là biện minh chung” tiếp xuống: Nhưng giải thích về “Luân” của “Thừa” không thối chuyển có hai nghĩa:

Một: Ba nghiệp chẳng Không là Dụng của “Luân”.

Hai: Ba nghiệp chẳng Không là Thể của “Luân”.

- Số câu: “Thật thì cùng có”: Nghĩa là được thấy Thân tướng cũng đạt được Thật trí, cùng đoạn trừ Hoặc. Nghe âm thanh thì tất nhiên là dứt bỏ Hoặc. Tin tưởng nơi ý thì quyết định đạt được Trí.

- Số câu: “Một là vô số các thứ khổ”:

Cành lá hoa quả của “Dược vương thọ” đều diệt trừ bệnh.

- Số từ câu: “Luận chủ đối chiếu với trước” tiếp xuống: Tức ý Luận Phật địa. Tổng cộng gồm bốn đối, như nơi phẩm Quang minh giác đã nêu, trong đó cho “Đoạn ác” là lợi ích, “Tấn thiện” là an lạc. Nhưng chỗ tạo nghiệp ở trước đã căn cứ nơi Thể của Hành đã lập Danh, là đối tượng được bao gồm của ba nghiệp. Cho nên chọn lấy chỗ thành tựu lợi ích chính là an lạc. Nay ở đây tức dựa theo phần lợi ích của Hành để lập danh.

- Từ câu: “Thật thì dụ trước là dụ cho” tiếp xuống: Là chính thức làm rõ ý của phần Số giải. Ý nói: “Ba nghiệp ở phần trước là chung, cùng có lợi ích, an lạc, nên nay hai dụ đều dụ về một. Có thể dùng thuốc để có thể trị bệnh nên dụ cho việc “Dứt bỏ ác” v.v... tức là lợi ích. “Thỏa mãn các vật báu theo ý của người” nên dụ cho “Điều thiện được tăng tiến”, tức là an lạc. Cho nên ở trên, trong phần dụ về ba nghiệp có sự tóm lược - bổ sung, đã hiện bày cả lợi ích, an lạc. Quyết định sinh tin tưởng tức là “Tấn thiện”. Vĩnh viễn lìa bỏ phiền não tức là “Trừ ác”.

Giải thích: Cùng chung cho ba nghiệp mọi nghiệp đều gồm cả hai: Lợi ích, an lạc.

- **Nguyện thứ mười** (Thành chánh giác nguyện).

- Số câu: “Thứ nhất, Bồ đề cũng là Tổng tướng”: Đây có ba đối:

Một: Căn cứ nơi Tự, Tha, đối với Luận là Thừa, Vận (cỗ xe vận chuyển).

Hai: Căn cứ theo Thể, Dụng. Cho nên viết: “Thể của Bồ đề, Tác nghiệp của Bồ đề”.

Ba: Căn cứ theo chung, riêng. Riêng dựa nơi chung. Chung thấu tóm riêng, nên mới thuận hợp với tông chỉ của kinh.

Nói “Chân tức xứng hợp với Tánh”: Là căn cứ nơi hai Lợi của Thể Dụng. Đây chính là Thể của Tự lợi, nên có câu ấy. Nghĩa là nếu có vọng niệm thì Thân, Trí có sự phân biệt: Hiện hữu - chẳng hiện hữu.

Nay, vọng đã dứt hết, gọi là Chân, nên không còn “hiện hữu, chẳng hiện hữu”. Tức ở nơi tất cả xứ mà đạt được Bồ đề.

Nếu dựa nơi chung, riêng, thì chung đã bao hàm riêng, nên có câu sau: “Tức nên tùy theo căn cơ” cảm mà liền hiện bày, nên không còn “Chẳng hiện hữu”. Diễn rộng như nơi phẩm Xuất Hiện, chương Bồ đề.

- Sở câu: “Chỉ rõ về nghiệp chánh giác”: Tức phân biệt với chỗ thành tựu Chân ở trên, tức sự ứng hợp của Thể, nên “một, nhiều tự tại”.

Chỗ riêng ở đây là chỉ rõ về Bồ đề mà gồm đủ tám Tướng. hai, ba, bốn Nghiệp đều là Tướng của phần Chuyển Pháp Luân:

Một: Thuyết giảng về Thật, chung nơi các Thừa.

Hai: Chỉ nêu giảng một Thật duy nhất.

Ba: Một âm thanh, tùy theo loài mà tức thì gồm đủ các pháp. Cho nên Luận viết là “Vô số thứ loại”.

- Sở câu: “Nói về Nghiệp Thật đế” tiếp xuống: Là nói về nghĩa của bốn Đế, như nơi phẩm Gốc. Trên đây là nói về Trí của Phật, cũng gọi là “Tri, Đoạn, Chứng, Tu” nên biết là chung, chẳng thể xem là chỉ riêng cho Tiểu thừa.

- Sở câu: “Luận giải thích kinh nêu đủ”: Kinh kia viết: “Là hiện bày cảnh giới của chư Phật, với Trí lực, đại thần thông”. Nay kinh nói thần thông thuộc phần sau, nên cũng bao gồm cả nghĩa.

- Sở câu: “Dùng diệu lực thần thông, niệm niệm thành Phật”: Cũng thuộc về nghiệp trước. Đây là thân của chỗ nương tựa để thuyết pháp nên nêu lên.

- Sở câu: “Do sinh xứ của Phật ắt chẳng phải là xứ của năm Nạn”: Ất chẳng phải là ba đường dữ, Bắc châu, cõi trời Trường Thọ. Trước sau tuy căn cứ nơi thời gian, mà cũng căn cứ nơi sự rốt ráo. Tất nhiên, dung nạp cả hai nên có xứ phải, trái.

Nói “Xứ xứ kia là thù thắng”: Tức loại trừ xứ nạn xong, ở trong ba Châu, chỉ chọn lấy Châu Diêm Phù, Châu này là thù thắng, có thể tiếp nhận sự giáo hóa. Trăm ức chẳng phải là một, nên gọi là “Xứ xứ kia”.

- Sở câu: “Do duy nhất, tột bậc, không có hai Bồ đề”: Ba là Chánh, Bồ đề là Giác. Đây là chủ thể chứng đắc. (Tam Bồ đề).

Câu: “Duy nhất, tột bậc, không hai” kia là giải thích chữ “Nhất” nơi kinh, phân biệt khác với hai Thừa, nên gọi là duy nhất. Phân biệt khác với Bồ tát nên lại gọi là “Tột bậc”. Phẩm Xuất Hiện, chương Bồ đề đã viết: “Bồ tát nên nhận biết như thế”, thành bậc Đẳng Chánh giác đồng nơi Bồ đề, là một tướng, vô tướng”.

Lại viết: “Bồ đề là Vô tướng, vô phi tướng, không là một, không là vô số”. Do đó, số đã nêu: “Bồ đề của duy nhất tột bậc”.

- Số câu: “Khế hợp với sự sai biệt của Tánh tịnh Niết-bàn”:

Tánh tịnh Niết-bàn tức là đối tượng được chứng đắc. Lý của hai vô ngã vốn vắng lặng nên gọi là Niết-bàn.

- Nói “Sai biệt”: Là giải thích câu “Tất cả pháp giới” của kinh, đó tức là sai biệt mà Tánh tịnh. Kinh viết: “Tức tướng của Niết-bàn. Tức Tánh của Tướng mới là Tánh Tịnh, khế hợp chung cả chủ thể, đối tượng. Chủ thể, đối tượng khế hợp là Bồ đề chân thật.

- Nói “Tức chẳng lại diệt lần nữa”: Là ngấm dẫn kinh Tịnh Danh, chương Bồ tát Di Lạc để chứng minh, xác nhận nghĩa trên. Kinh ấy nói: “Tất cả chúng sinh tức là Tướng của Niết-bàn. Chẳng lại còn tịch diệt nữa”. Nơi nghĩa có thể nhận biết. Nơi phẩm Xuất Hiện lại sẽ nêu rộng. Trên đây tức là Chứng.

- Số từ câu: “Nêu bày về pháp chứng đắc ấy” tiếp xuống: Là nối tiếp theo phần trên để giải thích nghĩa giáo hóa, chính là đem chỗ pháp Phật đã chứng đắc để giáo hóa. Cũng giống với kinh Pháp Hoa:

*“Phật tự trụ Đại thừa
Như chỗ pháp đạt được
Lực định tuệ trang nghiêm
Do đầy độ chúng sanh”.*

Tức là “Giáo, Chứng” của Phật.

- Số từ câu: “Bốn là dùng một âm thanh” tiếp xuống: Ở đây, Nghiệp là một âm thanh, tức thì diễn giảng nên gọi là “Vô số thứ loại”. Nghĩa của một âm thanh thì phần Sở giải ở trước đã biện minh, phần sau lại nói rộng.

- Nói “Xứng hợp với căn cơ”: Là giải thích câu: “Khiến hoan hỉ”, tức xứng hợp với căn cơ nên hoan hỉ.

- Số câu: “Nghiệp chẳng đoạn Phật chủng” Tức là sự giáo hóa được nối tiếp chẳng dứt. “Nghiệp” này được diễn rộng như nơi phẩm Xuất Hiện, chương Niết-bàn đã biện minh.

- Số câu: “Nghiệp Pháp luân lại trụ” văn nơi bản Sở giải gồm ba:

Một: Chính thức giải thích kinh.

Hai: Từ câu: “Trước tức là” tiếp xuống: Là cùng tóm kết về hai Nghiệp năm, sáu.

Ba: Từ câu: “Đối hợp Thật bày Quyền” tiếp xuống: Là giải thích tên gọi.

Một: Câu: “Đại trí tuệ địa chính là một sự thật”: Kinh Pháp Hoa viết: “Rốt ráo đạt đến Nhất Thiết địa Trí. Lại nói: “Chỉ một sự thật ấy, ngoài ra hai tức chẳng phải là Chân”.

Nói “Tức là Trí Phật” là nêu ra Thể. Kinh viết:

*“Nêu giảng trí tuệ Phật
Chư Phật hiện ở đời.”*

Từ câu: “Có thể sinh ra” tiếp xuống: Là giải thích nghĩa “Trí địa”. Địa có hai nghĩa:

Một: Khả năng phát sinh. Ở nơi một Phật Thừa phân biệt nói là ba.

Hai: Chung cuộc. Quy về cứu cánh đến nơi “Nhất Thiết trí địa”. Mở bày, chỉ rõ cho chúng sinh về tri kiến của Như Lai, nên gọi là “Cùng quy về”. Tức nơi kinh Pháp Hoa, phẩm Phương tiện, phần đầu, nói về trí tuệ của chư Phật là hết mực sâu xa, vô lượng.

- Sở từ câu: “Nhưng cửa trí tuệ” tiếp xuống: Tức là văn nơi kinh Pháp Hoa: “Cửa trí tuệ ấy khó lý giải khó hội nhập”.

Lại nữa, kinh ấy viết: “Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Chư Phật tùy chỗ thích hợp mà thuyết pháp, ý nghĩa sâu xa khó lãnh hội. Vì sao? Vì Như Lai đã dùng vô số phương tiện, đủ loại nhân duyên, thí dụ, ngôn từ để giảng nói các pháp”, tức là “Tùy theo căn cơ vô lượng”, diễn rộng như nơi văn kinh Pháp Hoa, nói về “Khai thị ngộ nhập”.

- Sở từ câu: “Trước tức là Niết-bàn” tiếp xuống: Là phần hai, cùng tóm kết về ý thứ năm, sáu, hiển bày chỗ bao hàm của kinh ấy.

- Sở từ câu: “Đối hợp với Thật” tiếp xuống: Là phần ba, giải thích tên gọi, do chữ “Lại an trụ” khó hiểu. Nghĩa là giáo pháp được duy trì, giữ vững gọi là Trụ. Thật tức thường trụ. Đối hợp với Thật nêu bày Quyên, nên có chữ “Lại”.

- Sở từ câu: “Bấy là dùng pháp trí” tiếp xuống: Văn nơi bản Sở giải gồm hai:

Một: Dựa nơi Luận gốc để giải thích.

Hai: Dựa nơi Trí Luận để giải thích.

- Nói “Hiển bày chỗ nương tựa của Tự tại”: Tức là ba Thông. Kinh viết là: “Tự tại biến hóa”. Phần sau là chính thức làm rõ về Dụng của Tự tại. Trong đó, trước hết là hiển bày về ba Thông, do chỗ bao hàm ý của Tự tại. Từ câu: “Do pháp trí chung cho cả” tiếp xuống: Mới là giải thích về Tự tại. Thâu gọn ba Thông ấy thành “Vô trụ đạo”, phần này có thể nhận biết.

- Sở từ câu: “Lại dựa nơi Trí Luận” tiếp xuống: Là phần hai, dựa

theo Trí Luận để giải thích. Tức cho Tự tại cũng là một Thông. Chỉ có tên gọi của Thông là đã bao hàm tác dụng. Nghĩa của mười tám biến hóa đến phẩm Pháp Giới sẽ biện minh.

- Sở câu: “Dược sư một hai nguyện, Di đà bốn mươi tám nguyện”
Tức đều như các kinh ấy đã nêu, ở đây e quá dài nên không dẫn ra.

- Sở câu: “Cũng thấu tóm tắt cả pháp Bồ đề phần như địa thứ bảy đã biện giải”: Tức phần kinh kia, nhân nói về địa thứ bảy, với tất cả pháp Bồ đề phần, ở nơi niệm niệm thấy đều viên mãn. Bồ tát Giải Thoát Nguyệt bèn hỏi: “Chỉ mỗi địa này là viên mãn hay các địa cũng đều viên mãn?” Bồ tát Kim Cang Tạng đáp: “Ở trong thập Địa đều có thể viên mãn các pháp Bồ đề phần, nhưng địa thứ bảy thì thù thắng hơn.” Phần tiếp sau nói về Tướng viên mãn nơi các địa, kinh viết: “Bồ tát ở trong địa thứ nhất, vì duyên nơi tất cả pháp Phật để nguyện cầu nên đã thực hiện đầy đủ các pháp Bồ đề phần”, tức vẫn nói về sự việc này.

- Nói “Làm rõ việc tự siêng năng hành hóa”: Là tóm kết. Cho nên Luận viết: “Một là luôn siêng năng tu tập vô lượng hạnh. Thường thực hiện vô lượng việc làm không gián đoạn với là tính chất rộng khắp, có thể nhận biết”.

- Sở câu: “Tận cùng là thị hiện chỗ tận cùng chẳng dứt trừ”: Chẳng bị dứt đoạn là vô tận, thấu tóm hết thấy các pháp vô cùng tận, khiến không còn sót một pháp nào, nên còn gọi là “Tận cùng”.

- Sở câu: “Câu đầu là chung, mười nguyện đều là vì chúng sanh”:
Đoạn này lược có ba môn:

Một: Môn chung, riêng phân biệt.

Hai: Môn rộng, tóm phân biệt. Tóm thì dùng ba chuyển để thấu tóm (chín nguyện trước).

Ba: Môn năm cảnh giới Vô lượng phân biệt.

Tức là ba đoạn.

- Nay nói về đoạn một: Chung, Riêng lược có ba nghĩa:

Một là: Ngôn ngữ chung. Như nói mười độ, thập Địa v.v...

Hai là: Pháp chung. Các pháp nhân nơi Thế hổ tương tập thành, tức là Tướng chung trong sáu Tướng.

Ba là: Ý chung. Như trong đó nói ý là chúng sinh.

- Sở từ câu: “Ba nghĩa sau là chuyển” tiếp xuống: Tức là môn Rộng tóm. Do Thế giới là y báo của chúng sinh. Hư không là chỗ dựa của thế giới, nên hợp làm “Thế gian pháp giới”, là pháp có thể nhận biết. Niết-bàn tức là pháp của đối tượng được chứng đắc. Phật xuất hiện

tức là pháp của sự giáo hóa. Như nơi Phẩm Xuất hiện đã nêu, do Vô lượng duyên mới xuất hiện, nên cả ba đều là pháp. Về Trí của Như Lai là Trí, mà cũng có thể nhận biết về chỗ duyên của Tâm, ý là chỉ chung cho chủ thể duyên và đối tượng được duyên. Đối tượng được hội nhập của Trí Phật trở thành Trí của Chủ thể hội nhập nêu trên, nên đều là Trí chuyển.

- Số câu: “Mà nói chuyển”: Là giải thích riêng về chữ Chuyển dùng phần Tóm để gồm thân phần Rộng.

- Gọi là “Lần lượt chuyển đổi” phần này có thể nhận biết.

Nhưng nói “Chuyển này nghĩa là Vô tận”: Tức chín nghĩa của đối tượng được thân tóm lại là chủ thể thân tóm nên Chuyển sinh vô tận.

- Số từ câu: “Lại nữa, trong mười nghĩa thì bốn nghĩa trước” tiếp xuống: Là môn thứ ba: Chỗ thân tóm của năm cảnh giới vô lượng. Dựa theo Luận Du Già thì năm cảnh giới là:

Một: Tức cảnh giới của chúng sinh.

Hai: Thế giới.

Ba: Pháp giới.

Bốn: Cảnh giới được điều phục.

Năm: Cảnh giới được điều phục, Gia hạnh.

Không có “Hư không giới”. Nay thì cho Hư không được kết hợp nơi hai Cảnh giới sau, đó là ý của Trí Luận. Như theo Luận Du Già thì đã bỏ Hư không. Tức dùng Cảnh giới của đối tượng được duyên nơi Tâm thân tóm cảnh giới được điều phục. Bốn điều phục Gia hạnh còn lại tức là Phương tiện. “Hóa sinh pháp” gọi là “Cảnh giới được điều phục”. “Độ sinh pháp” gọi là “Cảnh giới của phương tiện điều phục”.

- Số câu: “Trước là hiển bày theo hướng ngược lại”: Là giả thiết về Cảnh giới tận cùng, Nguyên tận cùng.

- Số từ câu: “Nên phần sau biện minh thuận hợp về” tiếp xuống: Là chính thức biện minh về Cảnh giới vô tận, nên thành Nguyên cũng vô tận. Trong đó có hai ý:

Một là nêu ra riêng về lý do của sự giống nhau.

Hai là từ câu: “Nên mười câu nói về sự tận cùng” tiếp xuống: Là dùng Luận để xác nhận phần trước.

Nơi phần trước, nói: “Mười nguyện của trước không ra ngoài phần này”: Là lại dựa nơi Tổng tướng để nêu rõ mỗi mỗi nguyện đều gọi là rộng lớn như pháp giới, rốt ráo như hư không.

Nếu nói riêng thì “Chúng sinh tức là cảnh giới thứ năm. Thế giới của đối tượng được hóa độ tức là đối tượng được nhận biết của cảnh giới

thứ sáu, là đối tượng được chiêm nghiệm của cảnh giới thứ bảy. Hư không giới tức là mười phương vô lượng trong cảnh giới thứ sáu ở trước. Bốn cảnh giới này đều là ba pháp giới trong Nguyên thứ mười, tức nhận biết tất cả pháp giới đã là “Hóa sinh pháp” (Pháp hóa độ chúng sinh), cũng tức là nguyện thứ hai và nguyện thứ ba”.

Bốn là cảnh giới Niết-bàn, tức chỉ rõ việc nhập Đại Niết-bàn mà không dứt Hạnh Bồ tát .

Năm là cảnh giới Phật xuất hiện, tức chẳng lìa nơi đầu sợi lông mà thị hiện việc thành chánh giác.

Sáu là Trí Như Lai, tức căn cứ nơi cảnh giới Phật với diệu lực của đại trí tuệ là Đại Trí tuệ nơi địa.

Bảy là cảnh giới của đối tượng được duyên nơi Tâm, tức là nguyện thứ tám: Bình đẳng một duyên.

Tám là đối tượng được hội nhập của trí Phật, tức là dùng một, ba Bồ đề để nhận biết tất cả pháp giới tức tướng Niết-bàn. Cũng là Nguyên thứ tư với hai lợi. Sáu Tướng là đối tượng được hội nhập.

Từ câu: “Nên mười câu này” tiếp xuống hoàn toàn là văn của Luận. Do cảnh giới của chúng sinh đều không tận cùng, nên chư Phật dùng nguyện để lợi sinh cũng không dứt trừ.

Thứ hai là đối chiếu về Hành.

- Sơ câu: “Mười Tâm là dấy khởi chỗ dựa của Hành”: Luận giải thích kinh chỉ có hai Tâm: Là Tâm điều thuận, Tâm nhu hòa. Luận viết: “Tâm điều thuận tức trong các thiện căn kia luôn đạt được tự tại, thù thắng”. Nghĩa là muốn dấy khởi thì khởi, nên gọi là tự tại. Luận viết: “Tâm nhu hòa tức đạt được hạnh an lạc thù thắng, nghĩa là sự chứng đắc bên trong khế hợp với tinh thần, tâm không cứng cõi”. Nay có mười tâm nên đối chiếu với thập Hạnh ở sau, đối trị với mười chương theo Luận Du Già. Nhưng so với Luận có sự khác biệt nhỏ.

- Sơ câu: “Hai là biện giải về Thế phần nhiều giống với mười Tạng”: “Thập Hạnh so với Tạng có tên gọi đồng”, tức là Tín, Thí, Tâm (Hổ) Quý (Thẹn) còn lại phần nhiều nghĩa giống nhau.

Sáu tức là văn Tạng. Phần nêu chương viết: “Nghe thuyết giảng nên nhận biết nhiều”.

Năm giống với Niệm. Chín đồng với Trì. Mười, trong phần cúng dường thì cúng dường của cải đồng với Thí, cúng dường pháp đồng với biện tài. Bảy là thấu rõ pháp Thế gian tức nghĩa ở trong phần “Đa văn”. Hai hạnh Từ, Bi cùng là nghĩa nhận biết về duyên khởi ở trong văn Tạng.

“Đã nói phần nhiều đồng là có chỗ chẳng đồng”: Tức chẳng lãnh hội nên không mất, cũng như nơi chỗ khác, kinh đã nêu ra Thể xong, do đó, chọn lấy Tín v.v... là phần nhiều đồng tức cũng chẳng cho là hoàn toàn giống nhau.

- Sở câu: “Phần sau Luận viết v.v...”: Do Luận, trước giải thích về thập Hạnh, sau mới bắt đầu thu gọn để nhận xét, phân biệt, nên gọi là “Phần sau Luận”.

Nói “Dứt sạch hết là chương nơi pháp Thanh tịnh của địa”: Phần sau sẽ giải thích. Nay lại lược nêu rõ. Nghĩa là có thể đối trị dứt sạch hết chướng ngại của địa, nên dùng một Hạnh đối trị một chương.

- Sở câu: “Ba Hành trước là ý lạc của Hạnh nên gọi là Tâm”: Gồm hai:

Một: Giải thích nghĩa.

Hai: Dẫn Luận để chứng minh. Cũng là phần sau nơi Luận.

Nhưng dựa theo Luận chung thì thập Hạnh đều là Tâm, cũng đều gọi là Hành. Cho nên mười thứ này gọi là “đối chiếu về Hành”. Trong đó cần phân biệt:

Ba nghĩa trước là Tâm của phương tiện nơi Hành. Luận gọi là “Thâm Tâm”. Sở đã dùng “Ý lạc” để giải thích Tâm.

- Nói: “Luận Địa Trì đồng với kiến giải này”: Tức nơi Luận kia viết: “Ba nghĩa trước gọi là Tâm thanh tịnh. Bảy nghĩa sau là phương tiện của Hành.

- Sở câu: “Năm là căn cứ nơi hai Lợi”: Tức căn cứ theo sự phân biệt của Hành.

- Nói: “Tin tưởng cùng không mệt mỏi là Hành của Tự lợi”: Tức Luận chủ theo thứ lớp giải thích về bảy Hành trước, cho rằng: “Trong đó dựa nơi Hạnh tự lợi, nghĩa là Tín tức có thể tin tưởng nơi Hạnh Bồ tát cùng pháp của chư Phật. Cầu ắt có thể đạt được, nên dựa nơi Hành lợi tha. Đó là Từ bi, có thể đem lại sự yên ổn cùng tâm an lạc cho người khác.

“Xả” nghĩa là dùng của cải để thu tóm chỗ Hành của người khác.

“Chẳng mệt mỏi” là tự thu tóm nẻo Hành của pháp. Cho nên nhận biết theo kinh luận khéo lý giải pháp của thế gian, tức là thu tóm Hành của người khác”.

Giải thích: Do văn của Luận tuy hiển bày, nhưng trước sau cùng xen nhau, phần Sở giải đã trích ra hai Hành gọi là Tự lợi, phần còn lại là Lợi tha.

- Sở câu: “Ba Hành sau căn cứ chung nơi hai lợi, thâm giữ bảy Hành trước”:

Hỏi: “Đúng ra thì Tín v.v... là tự có thể lìa lỗi lầm, sao phải dùng Hổ, Thẹn để giữ gìn khiến lìa bỏ ác?”.

Đáp: “Nếu không có sự Hổ, Thẹn thì rốt cuộc chẳng dấy khởi sự Tin tưởng. Dứt trừ sự chẳng tin tất cả như thế, do đó nói Hổ, Thẹn chính là chủ thể giữ gìn, vì lìa chướng ngại, nên cả bảy Hành đều không chấp trước.

- Sở câu: “Một Hành sau thâm tóm bảy Hành trước”: Chữ “thâm tóm” có hai nghĩa như phần Sở giải đã biện giải.

- Nói “Thâm tóm khiến thành Hành”: Là Hành cúng dường, thâm tóm khiến dấy khởi tin tưởng v.v... Luận viết: “Một là cúng dường, chỗ cấu uế kia trở nên thanh tịnh là nương dựa nơi Hành cúng dường chư Phật thâm tóm các thiện căn như Tín v.v... Hai là do cúng dường nên đạt được hai thứ Thân. Khiến tin tưởng v.v... Cho nên được hai quả của Thân. Luận viết: Trong ấy có hai thứ cúng dường, nên đạt được hai thứ Thân.

Một là: Thân thượng diệu, khiến mọi người trông thấy đều sinh tâm kính trọng, tạo nhiều lợi ích.

Hai là: Thân điều phục, tức thiện căn của tự tánh thành tựu pháp hành an lạc.

Giải thích: Tu tập lâu dài khiến thành thực nên gọi là “Tánh thành”. Tức luận gọi là “Thiện căn của Tự Tánh”.

- Sở câu: “Cùng tóm kết có sáu”: Văn tóm kết là Sở giải nhận xét về kinh. Luận chủ không nhận xét. Chỉ cho rằng: “Ở đây, Bản hạnh thuộc Bồ đề thâm nhiếp. Nhập có sáu thứ thù thắng, do đó Tín là thù thắng. Nay dựa nơi phần Sở giải, trước là nhận định, tức trong phần Sở giải chỉ có năm. Cho nên viết là “Cùng tóm kết có sáu”. Sở dĩ Luận chọn làm tóm kết, vì trong ấy có Quả giống với năm Hành trước.

Hỏi: “Như thế thì trong phần tóm kết Nhân, sao không đối chiếu để trước hết lập ba Nhân?”

Đáp: Do bị năm quả của phần trung gian cách vượt. Nhưng đều dùng Tín làm đầu câu. Phần Sở giải cho là dễ nhận thấy nên không nhắc lại kinh.

- Sở câu: “Ba là sự thù thắng do chẳng tạp nhiễm”: Luận chỉ có phần nêu lên tên gọi, nên đoạn tiếp sau dùng kinh để kết hợp, làm rõ.

Từ câu: “Nghĩa là chứng đắc Chân” tiếp xuống: Là Sở giải thích gồm hai:

Một: Giải thích chung.

Hai: Từ câu: “Do tức là bên” tiếp xuống: Là giải thích riêng, không có “Ở giữa, một bên”. Đại sư Tuệ Viễn giải thích có hai nghĩa: 1) Căn cứ sự pháp nhiệm, tịnh mà biện minh. 2) Căn cứ lý của pháp có, không thể biện minh.

Thứ nhất: Căn cứ nơi Sự, pháp nhiệm tịnh để phân biệt.

Thứ hai: Căn cứ theo Lý, pháp có - không để biện giải.

- Thứ nhất: Luận giải thích kinh nói: “Không có ở giữa, bên”. Đại sư Tuệ Viễn nêu: Sinh tử là một bên này, Niết-bàn là bên kia. Thánh đạo là ở giữa. Nay quán sinh tử bản tánh chẳng có tức không có “Bên này”. Niết-bàn là Như nên cũng không có “Bên kia”. Hai bên đã không thì Thánh đạo cũng vắng lặng, tức không có khoảng giữa.

- Thứ hai: Căn cứ theo Lý, pháp có - không để biện giải: Có là “Bên này”. Không là “Bên kia”. Chẳng phải là có, chẳng phải là không gọi là trung gian. Có tức chẳng phải là có, nên không có “Bên này”. Không tức chẳng phải là không, nên không có “Bên kia”. Hai bên đã không thì còn gì, trung gian cũng mất. Do vậy không có trung gian.

Nhưng hai cách giải thích này, căn cứ nơi pháp có dị biệt nhỏ, mà chỗ sâu xa của nghĩa thì đều đồng hai bên, Trung đạo, ba pháp đều lập, dùng làm đối tượng được loại trừ. Dùng Tánh không loại trừ hai bên. Dùng “Cùng đối đãi” loại trừ Trung đạo. Chỗ giải thích của hiện nay tóm lược có hai dị biệt:

Một là: “Trung gian, một bên”, nói chung thì là có - không, tịnh nhiệm, một - khác, đoạn - thường, Sinh tử - Niết-bàn, hoặc lìa hoặc hợp đều là hai bên. Trung gian tùy theo hai bên cũng có nhiều nghĩa.

Hai là: Dùng trung gian loại trừ bên, dùng bên loại trừ trung gian. Đối đãi, dứt tuyệt cả hai đều mất, nên đều vốn là rốt ráo, như phần trước đã nói.

- Sở câu: “Cũng là ba Luân hóa độ tăng trưởng”:

Trí địa là ý nghiệp. Thuyết giảng tức là khẩu nghiệp. Lực tức Thân nghiệp. Do uy lực của Thân nên hai thứ cùng dậy khởi Từ bi.

- Sở từ câu: “Trong phần trước, ba Quán tức là ba đoạn”:

Văn nơi bản Sở giải gồm hai:

Một: Nêu rõ về ba Quán.

Hai: Tức nói về nghĩa Phương tiện.

Nơi phần trước tức nói về Luận Duy Thức. Chân lạc vốn có, mất mà chẳng biết. Vọng khổ vốn không, được mà không rõ. Trong ba đoạn thì:

Thứ nhất: Tức Chân lạc vốn có.

Thứ hai: Tức Vọng khổ vốn không.

Thứ ba: Tức chẳng biết, chẳng rõ.

Nhưng nơi đoạn một tức là “Niết-bàn tánh tịnh”. Phần tiếp sau giải thích viết: “Ba A-tăng-kỳ mới đạt được, mới bắt đầu khế hợp. Cho nên đạt được gọi là chứng đắc sự an lạc của Niết-bàn”. Trong an lạc có sự tinh túy tốt bậc, nên gọi là “Tối thượng”. Thù thắng không thể hơn nên gọi là “Bậc nhất”. Có nghĩa lợi lớn nên gọi là “Nghĩa”.

Nay, phần văn tiếp sau của bản Sở giải căn cứ nơi đối tượng được chứng đắc để giải thích. Đoạn hai tức nêu đầy đủ về nỗi khổ của sinh tử.

- Số từ câu: “Chỉ mất Chân lạc” tiếp xuống: Là nêu rõ về phương tiện. Gồm hai:

Một: Xác lập lý, làm rõ chỗ lỗi lầm.

Hai: Chính thức biện minh chỗ dấy khởi.

- Trong phần một nói: “Đã vì chỗ đáng thương xót” tức hiển bày phần sau. Phần sau sâu hơn trước. Trước chỉ mất an lạc nhưng có thể dấy khởi từ bi, lại nêu đủ các khổ nên cần phải cứu giúp. Hướng chi lại cùng mê lầm nơi hai pháp kia. Mê lầm điên đảo nên chốn khổ chấp cho là lạc, chốn lạc (vui) chấp cho là khổ, do đó cùng tăng vọng khổ khó trở lại với Chân lạc, nên gọi là “Không biết lúc nào mới trở lại gốc!”.

- Hai: Từ câu: “do Quán thứ nhất” tiếp xuống: Là biện minh riêng về chỗ dấy khởi. Phần này có thể nhận biết.

Câu: “Trước là nêu tổng quát về khởi niệm”: Bồ tát Thừa trước là tin hiểu Phật pháp nên luôn nhớ nghĩ pháp là hết mực thâm diệu và rất thâm diệu nên chúng sinh khó có được. Do mất sự an lạc sâu xa nên đáng thương xót.

- Số câu: “Một là sự thâm diệu của tịch tĩnh”:

Luận trong một lúc đã nêu ra chín tên gọi (chín thứ thâm diệu), sau mới trở lại giải thích.

Giải thích thâm diệu thứ nhất, viết: “Tịch tĩnh, tức là lìa bỏ vọng chấp cho là thật có. Vọng chấp chính là giữ lấy, nên phần Sở giải đã chia ra làm hai câu để giải thích. Dùng câu đầu để giải thích thuận về “Tịch tĩnh”.

Từ câu: “Tự là Vọng chấp” tiếp xuống: Là dùng câu sau để giải thích ngược về “Tịch tĩnh”.

Phần sau, dẫn Trung Luận để giải thích cho hai nghĩa trên. Tức là Quyển thứ hai, phẩm thứ mười ba: quán về Hành. Đầu tiên là vấn nạn

của Tiểu thừa:

*“Như kinh Phật thuyết giảng
Hư đối vọng giữ tướng
Các hành vọng chấp giữ
Nên gọi là hư đối.”*

Nghĩa là: “Sự thật thứ nhất” là Niết-bàn. Hư đối, vọng chấp tức là tướng của Hư vọng. Vậy sao có thể nói “Tất cả đều là Không?”. Luận chủ Bồ tát Long Thọ đã dùng kệ này (dẫn nơi phần Sơ giải) để đáp. Nửa trên là chính thức đáp lại. Đã không có “Đối tượng được chấp giữ” tức là nghĩa Không. Nửa sau là giải thích kệ trước: Phật nói “Hư đối vọng chấp giữ” chính là nói về Không. Nếu chẳng Không thì chẳng gọi là Vọng chấp giữ. Cho nên gọi là Chân thật. Nay chỉ lấy nửa trên của kệ để chứng minh trong chỗ Luận hiện tại: Vọng chấp chính là chấp giữ.

- Sơ câu: “Ở đây, một là căn cứ theo Già, Thuyên”: Là hiển bày. Hai là biểu thị

Lại nữa, thứ nhất là lia vọng, thứ hai là hiển bày Thể của pháp. Do đó Luận viết: “Pháp Nghĩa định”.

- Sơ câu: “Tức, một là Thể của Tâm tịch tĩnh”: Từ câu: “Là ý của Luận Khởi Tín. Luận ấy, nơi phần Lập nghĩa, viết: “Ma ha diển nói chung có hai loại: 1) Pháp. 2) Nghĩa. Cho nên Luận viết: Pháp Nghĩa định.

Luận ấy giải thích về pháp viết: “Gọi là pháp tức là Tâm của chúng sinh. Tâm ấy tức thâu tóm tất cả pháp thế gian và xuất thế gian. Dựa nơi Tâm ấy để hiển bày chỉ rõ nghĩa của Ma ha diển. Vì sao? Vì Tâm ấy là Tướng của Chân Như, tức chỉ rõ Thể của Ma Ha diển, Tâm là Tướng của nhân duyên sinh diệt, nên có thể chỉ rõ Tướng, Dụng của Tự Thể Ma ha diển”.

Giải thích: Nay sơ viết: “Nhất Tâm tức thâu tóm chung về hai môn”.

- Nói “Thể tịch diệt”: Tức chính thức dùng phần trước: “Tâm ấy là Tướng của Chân như, tức là Thể của Ma ha diển”, thuận theo kinh gọi là tịch diệt.

- Nói: “Hai môn cũng tịch diệt”: Hai môn tức trong phần “Giải thích”. Nhưng trong phần lập nghĩa ấy, chỗ vừa dẫn pháp đã có hai môn, tức: Môn Chân Như chỉ rõ Thể của Nhất tâm. Còn trong môn sinh diệt thì chỉ rõ tổng quát về ba cái Lớn. Luận kia giải thích: “Gọi Nghĩa tức Thể lớn, Tướng lớn, Dụng lớn.”

Nay muốn nêu rõ ở trong phần Lập nghĩa đã gồm đủ hai môn. Cho

nên nói hai môn đã là Nghĩa, là lý do của phần nói tổng quát về Tâm. Do đây nêu rõ ba cái lớn chỉ là nghĩa của môn Sinh diệt. Nghĩa của hai môn về nghĩa thì rộng, ba cái lớn, hai môn, phần trước đã nhiều lần nêu dẫn.

- Sở câu: “Ba là đối trị chướng của Vọng phân biệt”: Giải thích phần ba này có nhiều môn, như đoạn sau nói về sáu địa đã nêu. Đại sư Tuệ Viễn nói: “Phân biệt tức là Vọng tướng. Tướng của Thể nơi Tâm tức là phân biệt về chỗ dấy khởi sự tướng. Lấy, bỏ tức là dựa nơi phân biệt để lấy, bỏ. Thuận theo cảnh tham cầu thì cố mong lấy. Trái với cảnh chán bỏ thì cố mong bỏ.

Cũng có thể căn cứ nơi ba Tánh để nói... Nay đối trị chỗ chấp của ba Tánh thành ba Vô tánh nên là ba môn Giải thoát, lược bớt không nói đến sự “Thâm diệu”.

Ba là sự thâm diệu của Không (Hai là sự thâm diệu của tịnh diệt). Bốn là sự thâm diệu của Vô tướng. Năm là sự thâm diệu của Vô nguyện.

- Sở câu: “Sáu là biện minh về Quán lia mọi tạp nhiễm”:

Phần sau có ba Quán đối trị ba chướng của đạo. Ở đây là đối trị với Chướng của Chứng đạo. Tức đạt được sự chứng đạo đích thực.

Vọng tướng duyên trọn vẹn nơi Trí gọi là tạp nhiễm. Chân trí khác hẳn với sự tạp nhiễm nên gọi là “Lìa”. Dùng “Chỗ không thủ đắc” làm phương tiện nên gọi là “Phương tiện chân thực”, cũng gồm luôn việc hiển bày “Phương tiện đạo” cùng phần sau là “Chẳng trụ”, tức là “Bốn đạo”.

- Sở câu: “Tức đạo chẳng trụ”: Tự lợi với Tâm lớn chẳng trụ nơi Sinh tử. Lợi tha với tâm rộng chẳng trụ nơi Niết-bàn. Luận giải thích chỉ nói: “Vô thượng như thế”. Nhưng Luận giải thích nghĩa, tức là phần Sở giải hiện tại nói: “Thứ hai là Quán đầy đủ về các khổ”.

- Sở từ câu: “Tuy nhiên, mười hai duyên” tiếp xuống: Là hiển bày ý nơi hỏi, đáp.

Về ý của phần hỏi có thể nhận biết.

Từ câu: “Nghiệp Hoặc thành nhân của khổ” tiếp xuống: Là phần đáp. Có hai ý:

Một: Đây là do nhân theo quả, gọi là khổ. Trong sáu địa nói là hoàn toàn thuộc về chỗ tạo nên khổ.

Hai: Từ câu: “Lại nữa, ba lưu động” tiếp xuống: Là nghiệp hoặc tức Hành. Hành là năm Ấm. Thể tức là Khổ. Động tức có Khổ. Dẫn Luận khởi Tín để chứng minh. Tức vi tế thứ nhất của ba loại vi tế là

tướng của nghiệp vô minh. Do dựa vào “Chẳng biết rõ nên tâm động, nói tên là nghiệp. Biết thì không động, động thì có khổ, mà quả không lìa nhân khổ. Giải thích? Ý Sở giải nay nói: Cái vi tế trong vi tế còn mang tướng trạng là khổ hưởng là thô ư? Đại sư Tuệ Viễn cũng nói: “Vì khổ quá nặng nên riêng nêu lên gọi khổ”.

- Sở từ câu: “Trong phần trước là chia làm hai” tiếp xuống: Văn nơi Sở gồm ba phần:

Một: Phân đoạn.

Hai: Từ câu: “Nên Luận chủ” tiếp xuống: Là dẫn chứng về hai phần.

Ba: Từ câu: “Nhằm hiển bày ba chi trước” tiếp xuống: Là nêu ra lý do của hai phần.

Đi vào chi tiết thì có hai ý:

Một là: Dựa vào nhân quả để để phân ba chi trước là nhân. Thức có hai nghĩa: Là nhân thì thuộc phần trước, là quả thì thuộc phần sau. “Cũng nói về mười chi sau” nên Thức là quả.

Hai là: Từ câu: “Cũng hiển bày” tiếp xuống: Lại là một ý, cũng thông tỏ chỗ vướng mắc.

Lại cho là có vấn nạn: “Ba chi trước là nhân, nhân ở nơi một xứ. Trong mười chi sau, Ái, Thủ Hữu là nhân, sao so với quả là đồng?” Nên có ý ấy để phân biệt với Duy Thức. Luận Duy Thức viết: “Mười nhân, hai quả định rõ chẳng cùng đời. Bảy chi trước, ba chi tiếp theo hoặc đồng hoặc khác. Như chi hai, ba, bảy đều định rõ là cùng đời”. Hai tức là Sinh Lão Tử. Ba tức là Ái v.v... Bảy tức là bảy chi trước. Nay thì cho chi hai, ba trước là thuộc quá khứ, bảy chi tiếp theo cùng chi tám là thuộc hiện tại. Tức bảy chi trước chẳng định rõ là cùng đời, nên “Chấp nhận là đời khác”. Như Đại sư Tuệ Viễn cho chung với Ái v.v... là nhân; nói vì Ái làm tăng trưởng quả khổ của đời vị lai, nên đồng với quả. Như vậy, ba chi trước sao không theo sau nói là khổ ư? Đáp: Quá khứ đã đầy khởi nhân quả định rõ, mặc dù có sự chung này. Cho nên Sở này nói: Không phải chỉ một nhân quả, mà phải phân làm hai, nhằm hiển bày bảy chi trước có thể phân làm hai.

- Sở câu: “Căn cứ nơi quả để tóm kết về khổ”: Chỗ giải thích này Luận chủ nêu rõ phần tóm kết về quá khứ kia, cùng giải thích chỗ cùng xứ của mười chi sau. Ý chung có thể nhận biết.

- Sở từ câu: “Phần chung viết: “Tà kiến” tiếp xuống:

Văn nơi phần Sở giải gồm hai:

Một: Giải thích tà kiến.

Hai: Giải thích về “Tâm đọa”.

- Trong phần một, gồm hai chi tiết:

Thứ nhất: Chính thức biện minh.

Thứ hai: Dẫn chứng.

- Thứ nhất: Tà kiến có hai: Một là Thô. Hai là Tế. Thô thì bài bác cho là không có nhân quả. Tế thì suy tìm ngoài lý. Thô cũng gọi là riêng. Tế cũng gọi là chung. Chung tức chung cho các phiền não. Nay thì là chung là Tế, chẳng phải là riêng là Thô.

- Sở từ câu: “Kinh Niết-bàn nói” tiếp xuống: Là chi tiết thứ hai, dẫn chứng, dẫn kinh Đại Bát Niết-bàn, quyển thứ ba mươi lăm, phần Bồ tát Ca Diếp nhân nói về ba thứ ngôn ngữ diễn đạt như “Tùy tự ý” v.v..., văn của kinh nêu: “Thiện nam! Như Lai có lúc vì một pháp nên nói Vô lượng pháp. Như trong kinh nói: Tất cả phạm hạnh đều nhân nơi thiện tri thức. Tất cả phạm hạnh tuy có vô lượng nhân, nhưng nói “Thiện tri thức” là đã thấu tóm hết thảy. Như Lai đã nói: Hết thảy hành ác, tà kiến là nhân. Nhân của Hành ác tuy là vô lượng, nhưng nói tà kiến là đã thấu tóm hết cả”.

Giải thích: Hành ác chung nơi tất cả Nghiệp Hoặc, nên nói: “Tất cả phiền não thì tà kiến thấu tóm hết thảy.

- Sở từ câu: “Gốc ở trong ấy, vì sao gọi là đọa?” Tiếp xuống: Là phần hai, giải thích chữ “Tâm đọa”. Cũng gồm chung việc thông tỏ vướng mắc do vấn nạn.

Trên tức là câu vấn nạn. Phiền não là vô thủy thì sao có “Sự đọa đầu tiên?” Nếu có đầu tiên thì có lúc chưa đọa tà kiến chứ!.

- Từ câu: “Ở đây có hai nghĩa” tiếp xuống: Là phần đáp lại. Đáp có hai nghĩa:

- Nghĩa một dễ lãnh hội. Nghĩa là ở nơi một Thân. Thân Tâm trong, lắng tĩnh, niệm - suy liền sinh, tức gọi là “Đọa”.

Hai: Từ câu: “Căn cứ nơi mê chấp” tiếp xuống: Là chính thức thông tỏ chỗ vấn nạn về không phiền não.

Chân là đối tượng bị mê chấp. Vọng là chủ thể mê chấp. Đã có chủ thể mê chấp nên nghĩa xem như là “Đọa”. Do đó, vọng cùng với chân đều là Vô thủy.

Nói “Tướng dựa nơi Vô tánh”: Tức cùng làm mất cả Chân, Vọng.

“Tướng nương tựa”: Là dựa nơi Chân khởi Vọng, nhân nơi Vọng nói Chân. Nếu không có chủ thể mê chấp thì đối tượng bị mê chấp cũng không lập, sao có thể có Chân? Dựa nơi Chân có Vọng, nên Vọng là

Vô tánh. Dựa nói Vọng nêu Chân thì Chân há là “Định có”? Nên gọi là “Tướng”. Dựa vào Vô tánh tức chủ thể đối tượng đều là không”.

Từ câu: “Nếu khẳng định có Chân” tiếp xuống: Là nêu ngược lại để xác nhận về nghĩa Chân. Là Vọng mà nói Chân là khẳng định Tánh có nên Chân ở ngoài sự.

Từ câu: “Như thế thì” tiếp xuống: Là nối tiếp theo ý để nêu vấn nạn. Vấn nạn về phần trên tức nghĩa “Tướng dựa nơi Vô tánh” là đồng với Vọng Vô tánh nên có thể đoạn trừ.

- Từ câu: “Vọng ắt có thể đoạn” tiếp xuống: Là đáp lại. Trên là căn cứ nơi “Chẳng khác” để vấn nạn về “Khiến có thể đoạn trừ”. Nay dựa nơi “Chẳng một” để đáp. Chân không thể đoạn. Cũng như sóng cùng với nước tuy cùng nương dựa vào nhau, nhưng sóng thì có thể diệt, mà Tánh của nước thì chẳng bị hủy hoại. “Chẳng đồng nhất, chẳng bị diệt” nên Chân, Vọng cùng thành. Đây là một ý.

- Từ câu: “Chân của chẳng Không” tiếp xuống: Lại là một ý khác. Trên là dựa nơi “Chân của Không” tức đồng với Vọng. Tánh chân của chẳng Không chẳng phải là đối nơi Vọng mà bản. Tức Có, Không ấy chẳng phải là một, chẳng phải là khác mới là Chân của nẻo vi diệu. E chỗ vấn nạn sẽ là vô cùng, nên phần sau tóm kết nói: “Chỉ dứt sạch Vọng chấp thì tự thấy nguồn Chân. Phân biệt vẫn còn thì đều thành Vọng Hoặc.

Như Pháp sư Phục Lễ có nêu kệ vấn:

*“Chân Pháp tánh vốn tịnh
Vọng niệm do đâu khởi?
Cho Vọng từ Chân sinh
Vọng ấy đâu dứt được
Không đâu tức không cuối
Có chung nên có thủy
Không thủy mà có chung
Luôn mịt mờ lý ấy
Mong được mở bí mật
Phân rõ, là sinh tử.”*

Nay, câu cuối của phần Số giải chính là chỉ rõ chỗ bí mật ấy. Cho nên đáp lại một cách tổng quát về vấn nạn đó như sau:

*“Mê Chân, Vọng niệm sinh
Ngộ Chân, Vọng dứt diệt
Năng, Sở mê khác nhau
Sao cho toàn tương tự?”*

*Từ xưa chưa từng ngộ
Nên nói Vọng vô thủy
Biết Vọng gốc từ Chân
Mới là “Lý thường hằng”
Tâm phân biệt chưa dứt
Do đâu là sinh tử?*

Nhưng trong văn của phần Sở giải, Lý đã gồm đủ. Song nói: “Vô thủy mà có chung. Luôn mịt mờ lý ấy” là dựa theo sự của Pháp tướng mà nêu ra vấn nạn. Nay nói “Có Vọng tức Chân” thì đồng với “Không chung, thủy”. Nếu phân biệt để nêu bày thì phải có bốn câu:

- Chân lý thì không chung, không thủy.
- Vọng niệm thì không thủy mà có chung.
- Chân trí thì không chung mà có thủy.
- Vọng niệm liền khởi thì có thủy có chung.

Nếu căn cứ nơi tính chất “Viên dung” thì đồng với “Không chung thủy”. Đã “Không chung thủy” thì cũng lại không có “Vô thủy vô chung”. Chỉ có “Dứt lời bật tướng” thì mới có thể lãnh hội được chỗ huyền diệu ấy.

- Sở từ câu: “Nên Luận tổng kết viết” tiếp xuống: Trên là dùng nghĩa để phân định tổng quát. Từ đây trở xuống là phần hai, dẫn Luận để chứng minh.

Nhưng Luận, trước đã nêu riêng về chín thứ tà kiến xong, lặp lại lần nữa để giải thích. Trong đó, Tà kiến Tế ý, Tà kiến kiêu mạn, Tà kiến Ái niệm, ba thứ này là dựa nơi pháp, nghĩa mà vọng chấp. Theo thứ lớp như thế, nên phần Sở giải viết là: “Luận tổng kết nói”.

Từ câu: “Đây tức là” tiếp xuống: Là phần Sở giải thích Luận. Cho nên có hai nghĩa:

- Nghĩa một ý nói: Vọng chấp, trên pháp nên có “Tế ý” (che lấp ý) Vọng chấp trên nghĩa nên có hai phần sau, tức là thứ lớp.

- Từ câu: “Cũng có thể” tiếp xuống: Là ý thứ hai. Tức cho một là Pháp, hai là Nghĩa, ba là Vọng chấp, gọi là thứ lớp. Phần tiếp sau Sở dùng riêng ý thứ nhất để dung hợp văn. Cho nên viết là: “Hai câu tiếp theo là mê chấp về Nghĩa”.

- Sở câu: “Một câu đầu là Tà kiến tế ý”: Văn nơi bản Sở giải gồm năm:

Một: Nêu rõ về kinh để lập danh. Kinh viết là “Vô minh trùm lấp”.

Hai: Câu: “Đây là dựa nơi mê chấp về pháp”: Tức là Luận chỉ rõ

tổng quát về Thể.

Ba: Từ câu: “Nghĩa là Vô minh” tiếp xuống: Là sở cùng giải thích ý của cả kinh luận.

Bốn: Từ câu: “Chỗ gọi là pháp” tiếp xuống: Là dẫn Luận Khởi Tín để giải thích chữ “Tế ý”. Do Luận giải thích kinh viết: “Vô minh si tối che lấp ý thức của Ta”.

Năm: Từ câu: “Vô minh này” tiếp xuống: Là tóm kết, xác nhận về “Vô minh căn bản”. Cho nên các kinh, Luận đều nói: “Vô minh không nhân, lão - tử không quả”, chỉ có Vô minh, về chiều rộng (không gian) Từ Không “đấy khởi, chẳng thể trở lại nguồn. Phần sáu địa nói: “Không thấu rõ về Đệ nhất nghĩa để nên gọi là Vô minh”. Nếu dựa nơi Luận khởi Tín tức là “Căn bản bất giác”, cũng là Tâm của tự tánh thanh tịnh, do gió vô minh dấy động nên có Tâm nhiễm.

- Sở câu: “Hai câu tiếp theo là mê chấp về nghĩa, chung cho bốn Trụ Hoặc: bốn Trụ Hoặc tức:

Một: Trụ địa của nhận thấy về tất cả nơi chốn.

Hai: Trụ địa của Ái nơi cõi Dục.

Ba: Trụ địa của Ái nơi cõi Sắc.

Bốn: Trụ địa của Hữu Ái.

“Vô minh trụ địa” ở trên tức hiện tại là phần thứ năm. Phần một, năm là chung cả ba cõi. hai, ba, bốn tức như thứ lớp biện minh về cõi Dục, Sắc, Vô sắc. Phần chung trên đây là Thể của Hoặc.

Hai: Từ câu: “Do chỗ si mê ở trước” tiếp xuống: Là giải thích về mê chấp nơi nghĩa. Pháp do nhân duyên sinh, là ngã, ngã sở. Nay do có ngã nên lập ngã sở. Ngã sở tức là pháp.

- Sở câu: “Ba là Tà kiến Ái niệm”:

Chưa đạt được chỗ mong muốn, gọi là Niệm. Đã đạt được và chấp trước sâu nặng gọi là Ái. Về hình ảnh “Con hươu khát nước” là dụ cho trường hợp chưa đạt được chỗ mong muốn. Hình ảnh “Cá mắc lưới” là dụ cho Ái đã đạt được. Nói “Như chi Ái của hiện tại”: Tức như Vô minh quá khứ cũng có như Ái Thủ của hiện tại.

- Sở từ câu: “Hành cho Siểm, cuồng” tiếp xuống: Văn nơi bản Sở giải gồm hai: Một: Giải thích tổng quát. Hai: Từ câu: “Do trên nói về chỗ chấp bên trong” tiếp xuống: Là nối theo phần trước để dấy khởi. Luận giải thích kinh không nói đến Xan (keo kiệt), tức chỉ có hai, nay thêm một xan nên trong phần thứ hai hợp thành ba lỗi lầm.

- Sở từ câu: “Một là câu đầu” tiếp xuống: Là giải thích Tà kiến thứ tư. “Siểm” là lấy giả làm rối loạn thật đối với kẻ khác. Vờ bày

những nghi thức khác lại. Sâu hiểm là Tánh, có thể gây chướng ngại cho “Chẳng siểm”. Dẫn bày là Nghiệp. Gọi là “Siểm khúc” tức dối loạn kẻ khác, quanh co thuận theo hoàn cảnh thích nghi, giả vờ bày ra phương tiện để lấy lòng kẻ khác, hoặc che giấu lỗi của chính mình, không nghe theo lời chỉ dẫn chính đáng của thầy, bạn. “Cuống” nghĩa là vì muốn đạt được lợi lạc, tiếng khen nên giả hiện bày có đức độ, dối trá là tánh, có thể gây chướng ngại cho “chẳng giả dối”, tà mạng là Nghiệp. Gọi là “Kiểu cuống”, tức Tâm mang mưu mô khác biệt, hầu hết đều hiện rõ chỗ chẳng thật với các sự việc thuộc tà mạng.

Giải thích: Do văn của Luận nêu trên nên biết rõ hai thứ ấy đều là hư dối giống như thật. Hai thứ Hoặc này cùng dùng một phần Tham, Si làm Thể.

- Sở từ câu: “Do ganh ghét thân của người khác” tiếp xuống: Là giải thích kinh: “Luôn tạo nhân duyên thọ sinh các cõi”. Nhưng Luận giải thích kinh không nói đến “Xan”, chỉ nói: “Luôn mang tâm ganh ghét mà tạo nhân duyên của nơi chốn thọ sinh thân sau”. Luận giải thích viết: “Đố là ở nơi Thân dấy khởi tà hạnh. “Tật là ganh tị đối với người có tài sản của cải. Do đó, nơi chốn của đời đời sinh ra luôn rơi vào hàng thấp hèn, hình tướng thô xấu, của cải thiếu thốn”.

Giải thích: Nay chỉ dùng “Xan” đối với “Tật”, dùng “Tật đối với “Đố” để phối hợp phân minh. Nhưng Tật và Đố có chung có riêng. Như sách “Ngọc thiên” viết: “Ghét kẻ Hiền gọi là Tật. Ghét người có Sắc gọi là đố” Ghét về Sắc tức là lỗi lầm của Thân. Nay, ganh ghét đối với tài sản nên trở lại bao gồm luôn cả nghĩa Xan, nên xét theo kinh để giải thích. Nhưng ý của Luận giải thích cho rằng hai thứ ấy là dẫn đến nơi quả báo riêng, nên kinh viết: “Nhân duyên của nơi chốn thọ sinh cho thân sau”. Nay nói “Nhân duyên thọ sinh của các cõi” thì lời ấy bao gồm quả báo chung.

- Sở từ câu: “Ba thứ tiếp theo nêu rõ trong Hành” tiếp xuống: Văn nơi bản Sở giải gồm mười phần: Một: Câu ấy là nêu tổng quát. Hai: Từ câu: “Thứ nhất là Tham, Sân” tiếp xuống: Là nêu ra phần riêng. Trong ba câu, câu đầu là kinh, cho đến “Tích tập các nghiệp, ngày đêm tăng trưởng”. Ba: Từ câu: “Do trước truy tìm” tiếp xuống: Là nối theo phần truy tìm ở trước để giải thích chung về ba câu. Bốn: Từ câu: “Câu này biện minh chung” tiếp xuống: Là nêu riêng về câu thứ nhất. Năm: Từ câu: “Nên nơi sáu địa nói” tiếp xuống: Nêu dẫn để giải thích: Do Hoặc dấy khởi Nghiệp. Nhưng phần kia chỉ nối tiếp theo vô minh. Nay thì chung cả Tham v.v... Cho nên chung riêng có khác. Sáu: Từ câu:

“Cũng là Hành cùng với Vô minh” Là lại giải thích về Tham v.v... Chỗ giải thích trước nêu rõ về Nghiệp phát khởi nên vô minh ở trước Hành. Nay cùng lúc với Nghiệp phát khởi thì các Hoặc hiện có đều gọi là Vô minh. Phủ trùm nơi Nghiệp nên chẳng rõ về lỗi lầm. Bảy: Từ câu: “Các Nghiệp chẳng phải là một” tiếp xuống: Là nhắc lại Luận để giải thích. Phần này gồm ba chi tiết: Tám: Từ câu: “Nhưng nhân của Tập nghiệp” tiếp xuống: Là nhắc lại Luận để giải thích. Phần này gồm ba chi tiết:

1) Nói theo kinh phát sinh ý của Luận. Tức kinh nói: “Ba độc khởi nghiệp”. Nhưng Luận viết: “Lúc tiếp nhận các thọ, nhân nơi thọ sinh độc”.

2) Từ câu: “Nên Luận nêu” tiếp xuống: Là chính thức dẫn văn của Luận.

3) Từ câu: “Nghĩa là lạc thọ sinh Ái” tiếp xuống: Là Sở giải thích ý của Luận. Chín: Từ câu: “Tuy nhiên, ngu si” tiếp xuống: Là phân biệt pháp giống khác. Mười: Từ câu: “Hai câu tiếp theo” tiếp xuống: Là giải thích về hai câu riêng.

- Sở câu: “Tức trong tâm tạo tác tư duy là gió phiền não dấy động”: Đây là giải thích tóm lược về kinh. Kinh viết: “Tâm là theo tướng chung mà nói”. Cũng là nêu về chỗ nương tựa là Tâm vương. Nay nói “Tạo tác tư duy” là nêu riêng về Thể của Nghiệp. Do Luận giải thích kinh nói: “Thối lửa nơi Tâm tội nên khởi tạo tác tư duy”. Tiếp theo, từ câu: “Nghĩa là ở nơi lúc oán hận” tiếp xuống: Là Luận giải thích. Trong đó, khởi đầu và chung cuộc của tư duy ấy là phần Sở giải thích Luận. Phần còn lại đều là văn của Luận.

- Sở từ câu: “Tư duy chung cho các Ác” tiếp xuống: Là giải thích chỗ vướng mắc. * Sở câu: “Nêu rõ chỗ dẫn về chi thức v.v...”: Văn nơi bản Sở giải gồm ba: Một: Nêu tên gọi, chỉ rõ về Thể. Đây là dựa nơi chủ thể, đối tượng để dẫn khởi, biện minh. Những nơi như phẩm Thập Tạng và sáu địa đã nói rộng. Hai: Từ câu: “Do chi thức kia” tiếp xuống: Là nêu ra ý của kinh, Luận. Nghĩa chung cả nhân quả, phần tiếp sau sẽ biện minh. Nay cho ba chi trước là Nhân nên chọn lấy chủng tử của Thức. Ba: Từ câu: “Tâm, Ý, Thức ba tên gọi” tiếp xuống: Là giải thích văn. Phần hai này gồm bốn chi tiết:

Một là: Giải thích tên gọi Tâm, Ý, Thức. Nói “Như trước đã giải thích” tức nơi phẩm Vấn Minh. Nói Ý thức chung bốn thứ còn lại: Là Thức tức sáu Thức trước là loại của sáu xứ. Sáu thức ấy bao hàm xúc thọ, Xúc thọ ấy ngoại trừ bốn xứ trên, còn lại đều là loại danh sắc. Cho nên nói chung bốn.

Hai là: Từ câu: “Ai có thể dấy khởi” tiếp xuống: Là giải thích chữ khởi. Vô Ký không phải nhận, tức là chỉ chiêu lấy báo riêng, không nhận báo chung như trong phần chín địa có nói.

Ba là: Từ câu: “Nghịệp thiện, vì sao” tiếp xuống: Là giải thích về chỗ dùng nghĩa của bốn dòng.

Bốn là: Từ câu: “Nếu như thế” tiếp xuống: Là giải thích chỗ vướng mắc. Gồm hai: Trước là nêu câu hỏi.. Sau, từ câu: “Lý, Thật cùng thông” tiếp xuống: Là giải đáp. Có pháp có dụ đều như phần Sáu địa đã biện minh. Nói: “Các kinh Luận” là nêu tổng quát, chẳng phải là một. Luận Duy Thức nêu đủ cả hai. Dùng “Nghịệp chủng” làm Tăng thượng duyên. “Thức chủng” làm Thân nhân duyên. Nay, trong kinh này tức nói về Thức. Thức thọ nhận thân của sáu cõi làm chủng tử. Như Trung Luận viết: “Chúng sinh do Si che lấp, nên sau tạo ba Hành. Do vì có Hành này. Thức thọ thân sáu nẻo”. Tức dùng Nghịệp làm Thân.

